

CÂU XÁ LUẬN SỐ

QUYỂN 5

Phẩm 2: PHÂN BIỆT CĂN (PHẦN 3)

1. Nói về đồng phần:

Luận chép: Từ câu “đã nói như thế” cho đến “đồng phần là gì?”. Trở xuống một câu thứ ba nói về Đồng phần. “Đồng” là quả, “Phần” là nhân. Phần của đồng nên gọi là “đồng phần”. Nên “Luận Chánh Lý” chép: Trong đây thân hình, nghiệp dụng, dục lạc xoay vần tương tự, nên gọi là Đồng. “Phần” nghĩa là nhân, có vật thật riêng, đó là đồng nhân nên gọi là Đồng phần. Luận đã giải thích điều này, không phiên giải thích khác, cũng gọi là chủng đồng phần. Đồng pháp chẳng phải một, gọi là chủng đồng, làm nhân cho kia gọi là phần.

Luận chép: Cho đến “gọi là chúng đồng phần, trong văn xuôi có hai.

- 1) Nói về Hữu Bộ tông.
- 2) Dẫn Kinh bộ để vấn hỏi.

Trong phần nói về Hữu Bộ Tông trước chung sau riêng. Đây gọi là chung, có thật vật khác, nêu thể của nó gọi là Đồng phần, nói về tên gọi. Luận này nói đây gọi là chúng đồng phần, là giải thích tên khác.

Luận chép: Từ câu ở đây lại có hai thứ cho đến tất cả đều có, trong đó có hai:

- 1) Hữu tình đồng phần.
 - 2) Pháp đồng phần.
- Từ trong Hữu tình đồng phần lại chia làm hai:

- 1) Không sai khác.
- 2) Có sai khác.

Văn này giải thích không sai khác, nghĩa là tất cả hữu tình bình đẳng đều có. Chỉ phân biệt vô tình gọi là vô khác nhau.

Luận chép: Từ câu “có khác nhau giả” cho đến tất cả đều có:

Đây là giải thích: Về khác nhau. Nên luận Chánh Lý chép: “Một cõi sinh các loại hữu tình. Bao nhiêu thân hình. Các căn, nghiệp dụng và ăn uống v.v... làm nhân tương tự lẫn nhau, đồng thời xoay vần làm nhân dục lạc lẫn nhau gọi là chúng đồng phần. Như màu sắc tươi sạch. Nghiệp, tâm, đại chủng đều là nhân. Nên thân hình v.v... chẳng phải do nghiệp, nhân hiện thấy thân hình càng tương tự nghiệp dẫn quả. Nghiệp dụng của các căn và ăn uống v.v... đều có khác nhau. Nếu cho rằng mãi nghiệp có khác nhau. Nên có sai khác này thì về lý không đúng. Hoặc có thân hình chỉ do tương tự dẫn nghiệp sanh khởi. Vì chúng đồng phần có khác nhau, nên nghiệp dụng khác nhau. Nếu thân hình v.v... chỉ có nghiệp quả. Tùy theo sự ưa thích, nghiệp dụng, v.v... hoặc xả, hoặc hành nên không được có. Trong đây thân hình, nghiệp dụng, dục lạc lẫn lượt tương tự, nên gọi là đồng phần nghĩa là nhân. Có vật thật khác. Là đồng nhân này nên gọi là đồng phần. Đồng phần như thế. Thế tôn chỉ nói theo các hữu tình, chẳng phải cây cỏ, nên kệ Kinh nói. Đây là thiên đồng phần, đây là nhân đồng phần.

Cho đến nói rộng: Y theo giới, đường, sinh, xứ, thân v.v... khác nhau, có vô lượng hữu tình đồng phần. Lại có pháp đồng phần, nghĩa là tùy uẩn, xứ, giới, y theo văn luận trên nhân khác nhau chẳng phải chỉ có nghiệp lực, mà gồm cả đồng phần. Phẩm loại sai khác các thứ khác nhau, mỗi loại đều có đồng phần, cùng với không sai khác giác là cảnh giới. Uẩn, xứ, giới đồng nghĩa ấy cũng vậy. Tức có từng loại uẩn, giới xứ đồng, tương trạng tương tự cũng có đồng phần.

2. Giải thích pháp đồng phần:

Luận chép: “Lại có pháp đồng phần, nghĩa là tùy uẩn xứ giới”. Đây là giải thích pháp đồng phần. Pháp đồng phần này không khác với uẩn, giới, xứ lấy đó làm nhân. Cũng làm nhân vô khác nhau cho pháp kia.

Luận chép: Từ câu “Nếu không có vật thật” cho đến “như lý nên biết: Là nêu quả đồng phần, chứng có đồng nhân.

Luận chép: Từ câu “Nếu có tử sinh” cho đến gọi là dứt bỏ tương trước: Đây là nói đắc, xả. Lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu “Nếu có vật thật riêng” cho đến có tánh người riêng: Dưới đây kinh bộ nạn.

Trong đó có sáu:

- 1) Lập riêng tánh dị sinh để bắt bẻ.
- 2) Vô lượng nạn.
- 3) Vô dụng nạn.

- 4) Vô tình đồng phần nạn.
- 5) Đồng phần vô, đồng phần nạn.
- 6) Đồng ngoại đạo nạn.

3. Sáu lần bắt bẻ:

Đây là bắt bẻ thứ nhất. Đã có Dị sinh đồng phần, đâu cần gì lập riêng tánh dị sanh? Luận Chánh Lý giải thích rằng: Đâu không khác với tánh sanh tức là dị sanh đồng phần. Ở đây không nên như vậy, việc làm khác, nghĩa là thân hình, nghiệp dụng, dục lạc kia là nhân tương tự lẫn nhau gọi là đồng phần, nếu trái với Thánh đạo thành tựu thì nhân của Dị sinh này gọi là tánh Dị Sinh. khi nhập ly sanh, đối với chúng đồng phần vừa xả vừa đắc, đối với tánh Dị sinh xả mà không đắc.

Luận chép: Từ câu “Lại chẳng phải thế gian” cho đến “không có dụng riêng”: Là bắt bẻ thứ hai.

Luận chép: Từ câu “Thế gian không rõ,” cho đến “thì có công dụng gì?”: Là bắt bẻ thứ ba.

Luận Chánh Lý giải thích rằng: “Đồng phần chẳng phải sắc làm sao biết được có công năng sinh ra vô biệt sự loại, do thấy quả kia mà biết có kia. Như thấy quả do nghiệp tại đắc mà, biết nghiệp mà đời trước đã gây ra, còn người quán hạnh thì hiện chứng biết.

Luận chép: Từ câu lại vì sao không chấp nhận cho đến “tương tự lẫn nhau”: Là nạn thứ tư. Luận Chánh Lý chép: “Sao không chấp nhận có vô tình đồng phần, không nên trách như thế. Có lỗi thái quá, ông cũng chấp nhận có các tầng trời, người, các loại thai, sanh, noãn sinh. Sao cũng không chấp nhận các đường am-la, đậu xanh v.v... mọc Lại Phật, Thế tôn không nói, chỉ nên suy nghĩ chọn lựa. Vì sao Thế tôn chỉ ở trong loài hữu tình nơi có đồng phần chẳng đối với quả v.v... Lại làm sao biết. Đồng Phần như thế có vật thật riêng và ta đối với đó hiểu như thế nào? Do các loại quả không có nghiệp dụng, lạc dục xoay vần tương tự lẫn nhau. Đối với kia không nói có đồng phần riêng. Lại hẳn nhân quả hữu tình v.v... mới sinh. Chỉ đối với hữu tình nói có đồng phần, lại vì nghiệp trước, và hiện tại siêng năng mạnh mẽ pháp này được sinh ở các loại quả kia. Hai việc đều không, nên không có đồng phần. Tức do việc này chứng minh có thật vật. Còn các hữu tương như gỗ, điêu khắc, họa v.v... và chân dung đó tuy có hình sắc lẫn lượt tương tự, mà nói nhất thật. Do đó chẳng phải chỉ thấy tương tự, tức nói là thật. Phải đối với loại vật tương tự khác nhau mới khởi lời nói thật. Nên biết thật có pháp khác nhau này. Đây thật là do pháp này sinh ra. Cây gỗ khác nhau phần, không được nói là thật. Con người có đồng phần nên nói là thật.

Luận chép: Từ câu “lại các đồng phần” cho đến biết lập bày chẳng? Là bắt bẻ thứ năm.

Luận Chánh Lý chép: “Làm sao ở kia lại không có đồng phần, mà khởi vô biệt giác, lập bày ư? Do các đồng phần là nhân tánh của việc đồng loại v.v..., tức là nhân đồng loại xoay vần tương trợ giáo thì thiết. Như mắt, tai v.v... do đại chủng tạo mới thành sắc tánh.

Đại chủng tuy không có đại chủng khác tạo mà sắc tánh thành.

Luận chép: Từ câu “Lại lẽ ra hiển thành” cho đến “do đó phát sinh”: Bắt bẻ thứ sáu. Không sai khác đồng phần như nghĩa đều đồng câu. Sai khác đồng phận như nghĩa câu đồng khác. Hoặc chỉ như nghĩa câu đồng khác.

4. Luận chủ dẫn Tỳ-bà-sa đáp:

Luận chép: Từ câu “Sư Tỳ-bà-sa” cho đến “đối với đa chuyển”. Luận chủ dẫn Tỳ-bà-sa đáp. Luận Chánh Lý chép: “Ở đây lẽ ra nên hiển bày đồng với chấp của Thắng luận câu nghĩa đều đồng. Câu nghĩa đều khác. Nếu Thắng luận chấp hai câu nghĩa này thể chẳng phải một. Sát-na vô thường không chỗ y chỉ. Lần lượt khác nhau, dù cho khiến đồng kia cũng không nhiều lỗi. Chẳng phải thắng luận chấp các căn như mắt v.v... có công năng thực hành sắc, v.v... Tức khiến cho Thích tử xả thấy như thế, có giải thích khác. Nên chỗ nạn là lời của bè đảng nói. Người Cầu Chánh Lý, không nên gom về.

Thuật: Nếu như Thắng luận. Một pháp ở khắp nhiều pháp. Thể của nó là thường để để hòa hợp, đó là có lỗi. Nếu ngoại đạo đó chấp hai câu nghĩa thì thể chẳng phải một. Sát-na vô thường không có chỗ y chỉ, lần lượt khác nhau, dù cho khiến đồng, kia cũng không có nhiều lỗi.

Luận chép: Từ câu lại dù đối với kia cho đến nói rộng: Là hữu Bộ thứ hai dẫn kinh chứng minh.

Luận chép: Từ câu “Tuy có thuyết này cho đến gọi là đồng phần” Đây là kinh bộ giải thích kinh. Như Kinh bộ giải thích, văn kinh này là giả, chẳng phải thật.

Luận chép: “Như vậy nói đồng phần đó là sao?” Là Kinh bộ nêu.

Luận chép: Từ câu tức loại như thế cho đến “trái với tông ta”: Là Kinh bộ đáp, văn còn lại rất dễ hiểu.

5. Nói về Vô Tướng dị thực:

Luận chép: “Đã nói về đồng phần Vô Tướng là gì?”

Dưới đây là thứ ba nói về Vô Tướng dị thực.

Luận chép: Cho đến “là quả dị thực” Đây là giải thích Dụng của

Vô Tướng xứ v.v... “Như sinh lên tầng trời của hữu tình Vô Tướng là” nói y xứ.

Có pháp làm cho tâm, tâm sở diệt, nương dụng để hiển bày thể, gọi là Vô tướng, đặt tên đó, là vật có thật, là nói giả thật. Có thể ngăn pháp tâm, tâm sở vị lai khiến tạm thời không khởi. Nói khi diệt thể, như ngăn dứt sông suối, là nêu dụ để hiển. Pháp này một mặt là quả dị thực, nói về năm thứ.

Luận chép: “dị thực” của ai nghĩa là định Vô Tướng, là nói về nhân, Tỳ-bà-sa quyển 118 có nhiều Sư giải thích. Sư đầu tiên giải thích định Vô tướng chiêu cảm Vô Tướng và Sắc dị thực. Mạng căn chúng đồng phần có tâm tính lực dị thực. Ngoài ra các uẩn là câu dị thực, lại có người nói: Định Vô Tướng chiêu cảm Vô Tướng và Sắc dị thực, mạng căn. Là kia có tâm tính lực dị thực. Ngoài ra các uẩn khác là câu dị thực. Lại có người nói Định Vô Tướng chiêu cảm dị thực Vô Tướng, các uẩn còn lại là câu dị thực. Lại có người nói: Nếu khi có tâm cũng chiêu cảm các uẩn dị thực vô tâm. Nếu khi vô tâm cũng chiêu cảm các uẩn dị thực hữu tâm.

Lời bình: Nên “Nói như vậy dị thực Vô Tướng chỉ có định Vô Tướng chiêu cảm. Tất cả mạng, mạng căn và chúng đồng phần, v.v.. các sắc căn, như mắt, v.v... đều là nghiệp cảm.

Các uẩn khác đều chiêu cảm. Luận Chánh Lý chép: “Pháp này một bề là dị thực do định Vô Tướng chiêu cảm. Hữu tình Vô Tướng thì Vô Tướng và sắc. Chỉ là dị thực định Vô Tướng chiêu cảm. Định này không có năng lực dắt dẫn chúng đồng phần và mạng căn, vì chúng đồng phần và mạng căn chỉ là quả do định Hữu tâm thứ tư chiêu cảm. Các uẩn còn lại là câu dị thực. Theo văn luận Chánh Lý đồng nghĩa với vị Sư ban đầu, chẳng phải nghĩa của nhà phê bình. Luận này chép: dị thực của ai: Nghĩa là định Vô Tướng. Theo văn luận này, chỉ khác với thứ tư nói. Thuyết của ba vị Sư trước và nhà phê bình đều nói Vô Tướng là quả định Vô Tướng. Chỉ có thứ tư nói chung với quả hữu tâm.

6. Tầng trời của Hữu tình vô tướng:

Luận chép: Từ câu “Hữu tình Vô Tướng” cho đến gọi là trời Vô Tướng. Đây là giải thích tầng trời của hữu tình Vô Tướng.

Luận chép: Kia là hằng Vô Tướng hay cũng có khi có tướng ư. Dưới đây là nói trời Vô Tướng cũng có tướng. Trước hỏi, sau đáp, đây là hỏi.

Luận chép: Từ câu “Trong vị sinh tử” cho đến “lại khởi tướng: Là đáp. Nghĩa là mới sinh, tầng trời kia đa thời hữu tướng, khi Sắp qua đời

cũng đa thời hữu tướng. Khoảng giữa trong thời gian dài Vô Tướng, vì nghĩa này nên gọi là Vô tướng. Chẳng phải tầng trời kia hoàn toàn Vô Tướng luận Tỳ-bà-sa quyển 154, nhà phê bình nói: Nói như thế việc này bất định, hoặc trước nhiều sau ít, hoặc trước sau nhiều, tùy theo ý thích có khác nhau. Còn nhà phê bình Tỳ-bà-sa nói: Nêu tâm Vô tướng vì thông sinh đặc thiện, hữu phú vô ký vô phú vô ký. Chung với chỗ dứt của năm bộ. “Có mấy tùy miên tùy tăng cõi Sắc hữu lậu duyên”, nghĩa là định thứ tư Hữu lậu duyên tùy miên.

Hỏi: Vì sao vô lậu duyên tùy miên, đối với Vô Tướng kia không tăng theo ư?

Đáp: Họ chấp Vô Tướng là Niết-bàn. Định Vô Tướng là chân đạo. Cho đến sinh chỗ đó và mất từ chỗ đó, chỉ chấp như thế trở lại tùy chuyển. Đối với chân diệt đạo chẳng bác bỏ là không, nên duyên vô lậu bấy giờ không khởi.

Hỏi: Vì Vô tướng kia, ba thứ ăn cũng diệt, vì sao nói có ăn.

Đáp: Ăn có hai cách:

- 1) Trước thì năng dẫn
- 2) Hiện tại nhậm trì.

Vị kia tuy không hiện tại nhậm trì thực, nhưng có trước kia năng dẫn thực, nên gọi là Hữu thực.

Hỏi: Nhập vào tâm Vô Tướng là có cả mấy tánh, mấy bộ sở dứt. Có người giải thích rằng: Tuy chưa thấy văn y theo kia nêu ra tâm, nhập tâm cũng như vậy. Nay nói nhập tâm phần nhiều chỉ là dị thực sinh tâm. Vì thuận theo diệt. Thú hưởng dị thực, tâm trước tuy chẳng phải duyên đẳng Vô gián. Nhưng Luận Chánh Lý chép: Kia lấy duyên Đẳng vô gián của nghiệp trước làm nhậm trì thực, nghĩa là do túc nghiệp dẫn chúng đồng phần và Mạng căn v.v... Do tục sinh tâm và Vô gián nhập vào quả Vô Tướng. tâm dắt dẫn giúp đỡ, kia cũng có xúc quả khứ, làm nhậm trì thực. Trong giai đoạn ô tâm chỉ có xúc quá khứ làm thực. Hiện tại đều không. Hai thứ tâm hữu trong vị hữu tâm đều có. Văn Luận trở lên đồng nghĩa với Tỳ-bà-sa.

7. Nói về chỗ hậu báo:

Luận chép: Từ câu mất ở đây rồi, cho đến “sức hết liền rơi”: Đây là nói chỗ hậu báo. Đó là các ngoại đạo khi mới tu định. Phải có tâm Thiên cõi Sắc. Chán khổ sinh tử. Cầu xứ giải thoát, Cầu thầy và giáo không gặp chánh giáo, mà gặp tà sư. Trước nghe tà giáo nói xứ Vô tướng cho là Niết-bàn. Khởi thượng duyên kiến thủ, chấp làm xuất ly, lại khởi giới thủ, chẳng phải nhân chấp nhân chấp định Vô Tướng có

thể đặc Niết-bàn. Tức ở cõi Dục tạo nghiệp Hậu báo. Tùy theo sự hơn kém mà, sinh năm đường khác nhau, vì cầu Vô Tướng khởi các định cõi dưới cho là gia hành. Ngoài ra định quả chẳng phải bốn sở cầu, không chiêu cảm quả. Lại chẳng phải nghiệp do năng lực định Vô Tướng. Sinh lên trời Vô Tướng. Xuất Vô Tướng không còn nhập định nữa. Định Vô Tướng thế lực đã hết liền rơi vào cõi Dục, không có sức định.

Luận chép: Từ câu “Các hữu tình” cho đến “Nghiệp sinh tầng trời”: Là thứ hai giải thích. Đây là nói chỗ sinh pháp nhĩ tương hệ. Luận Tỳ-bà-sa 154 nói: “Có thuyết nếu tạo Vô Tướng thuận thứ sinh thọ nghiệp. Pháp nhĩ cũng tạo cõi Dục thuận hậu thọ nghiệp. Lại nói: “Hỏi: Định sinh ở chỗ nào?

Đáp: Có thuyết nói đọa địa ngục. Có thuyết nói đọa đường ác, nói như thể chắc chắn sinh cõi Dục, nơi chốn bất định. Hoặc đọa đường ác, hoặc tầng trời, hoặc cõi người.

Luận chép: Từ câu “Đã nói về Vô tướng” cho đến “tướng ấy thế nào” trở xuống là giải thích hai định. Trước giải thích định Vô Tướng.

Luận chép: Cho đến “gọi là định Vô Tướng”. Giống như Vô Tướng dị thực. Giải thích định Vô Tướng. Có riêng hai mươi một hoặc hai mươi hai. Phi sắc phi tâm Bất tương ưng hành, có thể khiến hai mươi hai tâm, tâm sở diệt, gọi là định Vô Tướng.

8. Giải thích tên gọi:

Luận chép: Từ câu “Định Vô Tướng” cho đến “gọi là định Vô Tướng”. Đây là giải thích tên. Trước thuộc về chủ, sau là trì nghiệp. “Người Vô Tướng” có định này nên gọi là định Vô Tướng, thuộc về y chủ thích, tức định Vô Tướng gọi là định Vô Tướng, thuộc về trì nghiệp thích.

Luận chép: Từ câu “Nói thanh như thế” cho đến “đồng với Vô Tướng”: Là giải thích bài tụng như thị thanh. Tụng nói “Như thị” là nói về định Vô Tướng diệt tâm, tâm sở đồng với Vô Tướng. Khác nhau tánh Vô Tướng loại thể số.

Hỏi: “Vì sao gọi là Định?”

Luận Chánh Lý chép: “Do chánh thành biện, hoặc cực thành biện, nên gọi là Định. “Có Sư khác nói các hành như lý v.v... nên gọi là định. Khiến tâm Đại chủng bình đẳng hành.

Thuật rằng: “Định là trong đây nói lẽ ra gọi là Đẳng chỉ. Tùy lời nói tiện lợi nên gọi đó là Định. “Đẳng” có ba nghĩa:

- 1) Nghĩa chánh.
- 2) Nghĩa cực.

Nghĩa hai hạnh như lý bình đẳng, trước giải thích hai nghĩa trước, các Sư khác lấy nghĩa sau, tức giải thích danh từ Đẳng chí nghĩa Thành biện nghĩa là chí, là Đẳng chí trong ba tên của định. Chỉ có định phi tán có cả vô tâm. Tán tâm không có chánh thành biện và cực thành biện.

9. Nói về các thứ khác:

Luận chép: Từ câu đây ở địa nào, cho đến tĩnh lự chẳng phải thứ khác: Là thứ Thứ hai nói về y địa.

Luận chép: Từ câu “Tu định Vô Tướng” cho đến “Tu định Vô Tướng”: Là Thứ ba nói “Tác ý”.

Luận chép: Từ câu “Trước nói Vô Tướng” cho đến “hoàn toàn là thiện”. Là thứ tư nói thuộc về Tánh.

Luận chép: Từ câu “Đây là thiện” cho đến “Năm uẩn dị thực”: Là thứ năm nói quả thông cực.

Luận chép: Từ câu “Đã là tánh Thiện” cho đến “chánh Tánh ly sinh”: Thứ sáu là nói về thuận thọ.

Nay xét kỹ, định này đã chấp nhận có lui sụt nay thân lại đắc. Lại nói: Chỉ là chắc chắn sinh thọ phi hậu, bất định. Y theo đây nên biết. Nếu trước nhập định rồi có thể chiêu với hoàn toàn quả năm trăm kiếp. Tức không có lui sụt, lui nhập Vô Tướng. Kiếp số định, hoặc có thể được chiêu cảm dị thực của uẩn khác. Hoặc ở đây lại nhập định Vô Tướng. Khi cảm báo kia thì hoặc nhập báo xuất quả, hoặc nhập quả xuất báo.

Luận chép: Từ câu lại chấp nhận định này cho đến “Chẳng lẽ không tu hành”: Thứ bảy là nói người tu khác. Trước khởi chấp Vô Tướng xứ cho là Niết-bàn. Sau khởi giới thủ chấp chắc chắn Vô Tướng cho là chân đạo. Mới có thể nhập, bậc Thánh đã dứt hai chấp, cho nên không nhập.

Luận chép: Từ câu “Nếu các bậc Thánh” cho đến “định Vô tướng chẳng?” Thứ tám là nói thành tựu.

10. Hỏi đáp các việc khác:

Trong văn có hai:

1) Hỏi.

2) Đáp.

Đây là hỏi.

Luận chép: Ngoài ra cũng không được, đây là lược đáp chẳng phải chỉ có bậc Thánh không thành vị lai, các phàm phu khác cũng không đắc.

Luận chép: “Vì sao: Là nói bất đắc sở dĩ.

Luận chép: Từ câu “Kia tuy hội tập” cho đến “phương tiện tu đắc” Đây là đáp rộng.

Luận chép: Từ câu “Cho nên lúc mới đắc” cho đến “vô vị lai tu”: Là giải thích thành tựu thể thông cục.

Luận Tỳ-bà-sa quyển 151 chép: “Nhập, xuất định Vô Tướng, tâm đều thị, tĩnh lự thứ tư hữu lậu thiện tâm. Rộng như kia trình bày.

Luận chép: Kế là định Diệt Tận tướng đó thế nào. Thứ tư là nói về định Diệt Tận.

Luận chép: Cho đến “Diệt định cũng thế”: Như định Vô tướng, là thí dụ giải thích diệt định.

Luận chép: Ở đây cũng vậy, Thanh là thí dụ nghĩa nào, là hỏi: Luận chép: So sánh với định Vô Tướng cho đến gọi là định Diệt tận: Là đáp. Ở đây cũng thế, chỉ nêu diệt tâm, tâm sở. Chẳng Đồng so sánh với thứ khác.

Luận Tỳ-bà-sa 152 chép.

Hỏi: Định Diệt tận này có mấy vật làm thể. Có thuyết nói: Định này có một vật làm thể, nếu diệt hiện tiền thì gọi là vô tâm.

Hỏi: Vì sao diệt một sát-na hiện tiền thì gọi là vô tâm.

Đáp: Như một Thọ sát-na hiện tiền thì gọi là hữu Thọ. Một tướng sát-na hiện tiền thì gọi là hữu tướng. Một thức sát-na hiện tiền thì gọi là hữu thức. Như vậy một Diệt sát-na hiện tiền thì gọi Vô tâm. Đây có lỗi gì? Có thuyết nói định này có mười một vật làm thể. Lấy mười Pháp Đại địa và tâm diệt. Có thuyết nói định này có hai vật làm thể, lấy mười pháp Đại địa, mười Pháp Đại thiện địa và tâm diệt. “Như thị thuyết”: Là tùy diệt nhĩ sở pháp tâm, tâm sở. Tức có từng ấy sở vật hiện tiền làm thể của định này. Đây khác với Sư thứ ba. Nhà phê bình lấy cả hân, yếm: Thứ ba chỉ có hai mươi một, nên khác nhau. Theo nghĩa này có hai mươi hai, nghĩa là thêm hân. Diệt Định có hai mươi hai, nghĩa là thêm yếm. Hai định chỉ có diệt tâm, tâm sở là sở. Nên biết Vô tướng cũng chỉ diệt tâm, tâm sở là sở. Nên biết Vô Tướng cũng chỉ diệt tâm, tâm sở, bổn tướng y theo đồng. Còn Tỳ-bà-sa quyển một trăm năm mươi ba chép:

Hỏi: Khi nhập diệt định thì cái nào là pháp tâm, tâm sở. Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại? “Nếu là quá khứ” thì quá khứ đã diệt, làm sao trở lại diệt. “Nếu vị lai”, Vị lai chưa sinh làm sao diệt được. “Nếu hiện tại”. Hiện tại không trụ phục, làm sao diệt? Nếu chẳng phải định lực, thì cũng tự diệt.

Đáp: Nên nói như vậy, diệt ở vị lai.

Hỏi: Vị lai chưa đến làm sao diệt được?

Đáp: Trụ ở hiện tại, pháp tâm, tâm sở ngăn ở vị lai, khiến không nối tiếp nên nói là diệt, như cắt đứt con đường đi vào thành, đóng cửa dựng cờ, không để cho người ra vào nên gọi là trừ cướp, đây cũng như thế, có thuyết diệt cả vị lai, hiện tại.

Hỏi: Hiện tại không trụ thì làm sao diệt, dù cho không có định lực cũng sẽ tự diệt.

Đáp: Trước hiện ở đời pháp tâm, tâm sở. Khiến cho pháp hữu duyên tiếp tục khởi mà diệt. Nay hiện ở đời, pháp tâm, tâm sở không làm cho pháp hữu duyên nối tiếp khởi rồi diệt. Đây là do năng lực nào mà gọi là định lực? Trong hai thuyết trên nên lấy giải thích trước. Thuận theo văn khác. Có người nói rằng: “Vì đó có thuyết không phải là đúng” tức là trái với nhiều ví dụ. Lại quyển một trăm năm mươi ba chép: “Lời bình: Nên nói như vậy: “Đây là nhập định tâm duyên định vị lai, không thể nói duyên sát-na nào được không? Duyên sát-na nào, vì định vị lai có nhiều sát-na. Chưa có trước sau lẫn lộn mà trụ. Lại chép: “Lời bình: Nên nói: Đây là xuất định tâm duyên định quá khứ. Mà không được nói duyên sát-na nào, không duyên sát-na nào. Vì định quá khứ có nhiều sát-na xen nhau trụ. Y theo văn luận trên, đã xen nhau trụ thì không được nói riêng, tức là duyên chung định quá khứ, vị lai. Nhưng vị định tức duyên kế trước tịnh định. Vì vị định là tâm tương ưng tham. Tương riêng cảm, cho nên duyên riêng, kế tâm định trước, mà khởi ra hai định, tâm là tâm thiện, duyên chung định trước, không thể chấp riêng.

11. Nói về đồng khác:

1) Luận chép: Từ câu “Hai định như thế” cho đến “tác ý làm đầu”: Là tác ý khác nhau thứ nhất.

2) Luận chép: Từ câu “Định Vô Tướng ở trước”: Là cho đến “Phi phi tướng xứ”: Y địa khác nhau thứ hai.

Luận Tỳ-bà-sa quyển 152. Hỏi: Vì sao địa dưới không có Định Vô Tướng. Một thuyết nói rằng: Các địa dưới có hoan thích thọ. Hành tướng thô động khó dứt trừ. Tĩnh lực thứ tư chỉ có thọ trong xứ, hành tướng nhỏ nhiệm dễ dứt bỏ.

Hỏi: Vì sao cõi Vô Sắc không có định này ư?

Đáp: Chỉ có dị sinh. Chấp tập khí của định này, cho là năng chứng Niết-bàn Vô Tướng. Trong cõi Vô Sắc không có Vô Tướng dị thực để chấp. Nên định Vô Tướng ở cõi ấy cũng không. Luận Chánh Lý chép: Trước định Vô tướng ở lại bên cõi Sắc. Nay định Diệt Tận ở biên địa cõi Vô Sắc. Vì ở tại Phi tướng Phi tướng xứ. Chỗ thọ sinh thân là nghiệp

trên hết dẫn dắt. Nên gọi là Hữu Đảnh, hoặc có bờ mé nên gọi là Hữu Đảnh. Như bờ mé cây gọi là Đảnh cây. Chỉ ở địa này là có định Diệt Tận. Vì sao địa dưới không có định này ư? Chán (yếm) trái với tất cả tâm và bờ mé tâm dứt mới có thể đắc, đây là thắng giải thoát nên gọi là do hai duyên lập giải thoát này.

a) Yếm, trái với tất cả tâm.

b) Tâm bờ mé tạm dứt.

Nếu ở địa dưới có định này thì chẳng phải yếm, trái với Nhất Thiết chứng tâm. Vì chưa thể nhàm chán tâm ở địa trên cũng không gọi là dứt tâm bờ mé. Vì tâm địa trên vẫn chưa dứt, nên gọi là yếm, trái với phần ít các tâm, cũng nên gọi là dứt tâm mé giữa.

3) Luận chép: Từ câu “Đây đồng với định trước” cho đến “Thiện v.v... khởi”. Thứ ba là nói Tánh đồng.

4) Luận chép: Từ câu “Trước định Vô Tướng” cho đến “Bốn uẩn dị thực”: Thứ tư là nói về chiêu cảm quả khác. Trong văn có hai. Trước nói Thọ khác. Sau y địa khác.

Luận chép: Từ câu “Trước định Vô Tướng” cho đến “Thắng giải nhập”

5) Thứ năm nói: Tu thì khác. Có ba nhân, chẳng phải Dị Sinh đắc.

a) Sợ đoạn diệt.

b) Chỉ có năng lực Thánh đạo có công năng dẫn dắt.

c) Hiện pháp Niết-bàn thắng giải nhập.

Viễn xả là gia hành mà nghĩ là Niết-bàn, gần gia hành làm chấm dứt tưởng.

Luận chép: Từ câu “đây cũng như trước” cho đến “mới chứng đắc”.

6) Thứ sáu ban đầu được đồng.

Luận chép: Từ câu lại lúc mới đắc cho đến “Nhiệt thành quá khứ”

7) Thứ bảy nói: Thành thế đồng.

8) Luận chép: Từ câu “Thế tôn cũng dùng” cho đến “đều lìa nhiễm đắc”: Thứ tám là nói Thế tôn chỉ lìa nhiễm đắc.

9) Luận chép: Từ câu “Thế tôn chưa hề” cho đến “Câu phần giải thoát”. Trở xuống cặp thứ chín bộ khác, nói về đồng, dị. Trong văn có hai:

a) Hỏi.

b) Đáp. Đây là hỏi.

Luận chép: Từ câu “đối với định khởi diệt” cho đến “Thành câu giải thoát”: Là đáp.

Luận Tỳ-bà-sa quyển 153 chép: “Vì sao Thế tôn Tận tri khởi rồi, gọi là câu giải thoát”.

Đáp: Đã rồi được định kia, tâm nhập xuất nên gọi là câu giải thoát, “Chẳng đắc định thể, lý này gọi là nhiễm đắc, sau đó không do gia hành khởi.

Luận chép: Từ câu “Sư phương Tây nói” cho đến “hậu đắc Bồ-đề” Là nói bộ khác. Đây là ý của Sư nói, học vị Bồ-tát đã khởi Diệt định, hậu đắc Bồ-đề.

Luận chép: “Vì sao trong đây không chấp nhận lời đó”: Đây là trách lý do hữu Bộ không chấp nhận.

Luận chép: Từ câu nếu cho phép kia nói, cho đến “Sau sinh tận trí”. Sư phương Tây chứng minh nghĩa của mình thuận theo luận. Sư phương Tây là Sư nước Kiện-đà-la. Ổ-Ba-Cúc-Đa, Hán dịch là Cận Tạng, ra đời sau Phật nhập Niết-bàn một trăm năm, là thầy vua A dục.

Luận chép: Nước Ca-thấp-di-la cho đến sau mới sinh tận trí.

Đây là nêu Tông Bà-Sa.

Luận chép: Vì sao? Là Sư phương Tây nêu.

Luận chép: Theo Truyền thuyết, Bồ-tát cho đến Thành ba mươi bốn: Là giải thích ba mươi bốn tâm thành Bồ-đề, không nhập định Diệt Tận.

12. Giải thích lý do:

Luận chép: Từ câu “Tất cả Bồ-tát” cho đến “Khởi định diệt tận”

Giải thích: Lý do ba mươi bốn tâm thành Bồ-đề.

Luận chép: Từ câu “Các Sư nước ngoài” cho đến ở đây có lỗi gì: Là người nước ngoài hỏi ngược lại.

Luận chép: Từ câu “Nếu thế” cho đến “Không vượt tâm ấy: Không vượt tâm ấy là lỗi.

Luận chép: Từ câu “Thật ra Bồ-tát” cho đến “Thánh đạo vô lậu”: Sư phương Tây giải thích. “Không vượt tâm mong đợi” cũng khác với “Tỳ-bà-sa”.

Luận chép: Nếu vậy tâm mong đợi làm sao không vượt, Sư Tỳ-bà-sa phá, Sư phương Tây giải thích, làm sao tâm mong đợi đó không vượt.

Luận chép: Từ câu “Ta chưa đắc” cho đến “các sự rốt ráo”: Là các sư phương Tây Giải thích lại. Không vượt tâm ấy.

Luận Chánh Lý chép: “Chẳng lẽ không do đó đã thành trái vượt, muốn khởi tâm mong đợi của Thánh đạo vô lậu. Làm sao Bồ-tát sạch hết các lậu, tu thấy đạo và tu đạo chưa từng được. Muốn nhổ gốc kiến hoặc Hữu Đảnh và trừ tu hoặc oán địch Hữu Đảnh. Lập thệ hẹn ngày: Ngồi kiết già. Việc chưa rốt ráo mà ở trong đó. Xả chỗ hẹn ngày vô lậu trị đạo, quý trọng vô thi có thể làm cuồng hoặc. Thế gian định loại, là được cộng hữu, dễ được diệt định, mà đặt khổ lưu. Như vậy khéo thành ba mươi bốn niệm được Bồ-đề.

13. Quy kết về bản tông:

Luận chép: Trước nói là Thiện là điều mà ta y cứ: là kết quy bản tông.

Luận chép: Tuy đã nói hai định” cho đến” trong Diệt định sơ nhân. Kế là có nửa bài tụng, thứ năm nói lại hai định đồng, khác.

Luận chép: Cho đến “mà được hiện khởi”.

Nói chỗ khởi hai định là đồng, nên luận Tỳ-bà-sa quyển 153 chép:

Hỏi: Vì sao sinh vào cõi Dục và cõi Sắc khởi được diệt định, chứ cõi Vô Sắc không khởi được?

Đáp: Mạng căn nương hai pháp mà chuyển, đó là Sắc và tâm, định này vô tâm, dứt tâm mà khởi, khi sanh cõi Dục, cõi Sắc thì khởi lên định này, tâm ấy tuy dứt mà mạng nương chuyển. Sinh cõi Vô Sắc, Sắc tuy dứt mà mạng nương tâm chuyển. Nếu sinh khởi kia thì định nay là Sắc tâm đều không, mạng căn không nương lẽ ra cũng dứt, nên gọi là chết, chứ không gọi là nhập định, cho nên sinh cõi kia không khởi.

1) Tướng đồng:

Luận chép: Nếu có người không chấp nhận cho đến nên gọi là tướng đồng”: Là dẫn chứng minh khởi xứ đồng. Từ “Nếu có người không chấp nhận cho đến chẳng phải năm hành. Nếu không chấp nhận cõi Sắc khởi hai định” thì trái với luận này. “Hoặc hữu thị Sắc hữu” nghĩa là cõi Sắc hữu. “Hữu này chẳng phải năm hành” Năm hành là năm uẩn. Thời Phật Ca-diếp thì Hành đồng với uẩn, luận Tỳ-bà-sa quyển 192 chép: Trong đây các uẩn dùng Thanh hành mà nói: Như Lai Quá khứ ứng chánh Đẳng chánh giác nói Uẩn gọi là Hành. Nay Như Lai Thích-ca nói Hành là Uẩn. Trong A-Tỳ-Đạt-ma này nói “Năm hành” là muốn nói nay Phật nói năm uẩn tức là trước Phật đã nói năm hành. Như trên là văn Luận bốn chữ làm Hiệp chú. “Phi ngũ hành” nghĩa là có thân cõi Sắc không có năm uẩn. Câu “là sắc trói buộc hữu tình” cho đến “ở đây có phi năm hành, dẫn luận này để giải

thích.

“Hoặc sinh lên tầng trời Hữu tướng trụ tâm khác nhau loại”, là khởi tâm Di giới và tâm vô lậu. Tâm này chẳng phải cõi Sắc. Hoặc nhập định Vô Tướng hoặc nhập định Diệt Tận, là ở trên tầng trời Vô Tướng nhập hai định. Hoặc sinh lên tầng trời Vô Tướng rồi được vào Vô tướng. Sinh tầng trời Vô Tướng rồi vào vô Tướng dị thực. Đó gọi là Sắc hữu tử hữu phi ngũ hành. Kết thành phi ngũ hành. Trên đây đã nói chỉ có sắc uẩn, Hành uẩn, không có uẩn khác. “Do đó chứng biết”, cho đến “đó gọi là tướng đồng” là Kết: chứng tướng đồng.

2) *Tướng khác:*

Luận chép: Từ câu “Dị tướng” cho đến “sau lại tu khởi”.

Thứ hai là nói về tướng dị. Tỳ-bà-sa quyển 152 chép:

Hỏi: Vì sao sinh lên cõi Sắc, có thể sở khởi Tĩnh lực, Vô Sắc mà chẳng phải diệt định.

Đáp: Tĩnh lực do ba duyên, nên sơ khởi; ba duyên là:

1) Nhân lực.

2) Nghiệp lực.

3) Pháp nhĩ lực.

- Vô Sắc do hai duyên, nên sơ khởi.

1) Nhân lực.

2) Nghiệp lực.

Diệt định do: Một duyên nên sơ khởi, nghĩa là do nói lực, Chỉ cõi Dục có Phật nói, nên có thể khởi hiện tiền. Không do nhân lực đời trước sinh chưa từng khởi Diệt định. Không do nghiệp lực vì định này chẳng phải nghiệp tánh lực. Không do pháp nhĩ lực vì cõi Vô Sắc không có thể giới hoại. Luận Chánh Lý chép: “Nghĩa là định Diệt Tận mới khởi chỉ ở trong cõi người. Có thuyết giải thích: và có năng lực gia hạnh mạnh mẽ.

14. Nói diệt định có lui sụt:

Luận chép: Từ câu “Định diệt tận” này cho đến ở đây có việc ấy: Nói Diệt định có lui sụt. Nếu không lui sụt thì không được khởi ở cõi Sắc. Ổ-đà-di là đệ tử ở chung với A-nan.

Luận chép: Từ câu nên biết như thế cho đến cũng có việc ấy: Luận Chánh Lý dẫn kinh chứng minh lui sụt.

Luận chép: Từ câu nên biết như thế cho đến “trụ cõi Sắc thọ sinh” Kết chứng minh lý do.

Nếu không lui sụt khởi cõi Sắc phiền não, thì không được sinh lên tầng trời ý thành. Đã lia hoặc vô sở hữu mà được định này, Kinh nói

sinh cõi kia nên biết có lui sụt.

Luận chép: Từ câu “Có bộ khác chấp” cho đến “nghĩa này cũng thành”.

Thuật: Dị thích. Nghĩa vô thối được thành. Là nhiệm của định thứ ba, được Định xứ thứ tư, cũng gọi là trời. Ý thành. Diệt định bất thối cũng được sinh về tầng trời ấy.

Luận chép: Tứ câu “Tĩnh lự thứ tư” cho đến “Khế kinh nói”: Là bác bỏ thuyết khác.

Luận chép: Từ câu ở đây nếu như thế, cho đến “Siêu việt định nghĩa” Bộ khác vặn hỏi.

Luận chép: Từ câu “Định này thử lớp” cho đến “tùy lạc mà siêu nhập”: Là giải thích: câu hỏi của ngoại đạo.

Nói “Thử lớp” là nói theo mới tu.

15. Nói về nhiều thứ khác nhau:

Luận chép: Từ câu “Hai định như thế” cho đến “Hữu Đảnh địa” Dưới đây là nói về nhiều thứ khác nhau.

Thứ nhất: Y địa khác.

Luận chép: Từ câu “gia hành có khác” cho đến “Tác ý là trước”: là thứ hai khác.

Luận chép: Từ câu nối tiếp có khác cho đến “nối tiếp khởi”: Là thứ ba nói về khác.

Luận chép: Từ câu “dị thực có khác” cho đến “thục quả Dị là dị thứ tư.

Luận chép: Từ câu “Thuận thọ có khác” cho đến “Sinh hai thọ” là dị thứ năm.

Luận chép: “Sơ khởi có khác” cho đến “đầu tiên khởi”: Là dị thứ sáu.

Luận chép: Từ câu “Hai định đều dùng” cho đến “diệt thọ tưởng phải không?” Là hỏi tên định.

Luận chép: Từ câu “Hai định gia hạnh” cho đến “gọi là tha tâm trí” Nêu dụ để giải thích.

Luận Chánh Lý chép: “Vì sao chỉ nói định Diệt Thọ Tưởng”. “Yểm” nghịch hai thứ kia, sinh ra định này, nghĩa là Tưởng và Thọ có thể bị Kiến ái tạp nhiễm nương tựa. Nên trước hết yểm nghịch hai pháp như thế nhiều thứ tội lỗi. Như lập trong uẩn đã phân biệt rộng, nên nhằm chán khắp nhập định Diệt Tâm.

Luận chép: Từ câu nay trong hai định cho đến “tâm lại được sinh”: Là hỏi tâm nặng về sinh nhân.

16. Dẫn Tỳ-bà-sa để giải thích:

Luận chép: Từ câu Sứ Tỳ-bà-sa” cho đến “duyên đẳng Vô gián: Là dẫn Tỳ-bà-sa, để giải thích, do sức duyên Đẳng Vô gián ở đời quá khứ, có thể sinh vậy. Luận Chánh Lý nói rộng: “Ở giai đoạn Diệt định, đều không có tâm, nên Luận ấy nói” hữu tình Vô tâm lẽ ra phải có “hữu” là mạng. Nên khác ở qua đời, hữu tình sắc, tâm chẳng chắc chắn có. Tâm nếu định hữu sắc cũng phải như vậy. Sắc có khi vô tâm cũng nên như vậy, nên có mạng thì gọi là hữu tình. Nhưng mạng phải nương sắc, tâm tùy một, dẫn kệ Kinh nói thức không lìa thân. Ở định vô tâm cũng không có trái hại. Vì tức ở trong thân sở y này. Thức phải sinh lại nên nói “bất ly” nghĩa là trong một chúng đồng phần nối tiếp thì thức nối tiếp trôi chảy chẳng rời rạc đoạn. Thí như bệnh quỷ tạm thời không phát. Do chưa dứt hẳn, vẫn gọi là không lìa cho đến “Nhưng sau khi định thì tâm lại được sinh” Định của tâm trước do duyên Đẳng Vô gián dẫn phát.

Luận chép: Từ câu “Có sự khác nói” cho đến “chẳng phải do tâm khởi”.

Thuật rằng: Kinh Bộ tông, tông Sắc kia, tâm làm nhân lẫn nhau mà khởi.

Luận chép: Từ câu cho nên đời trước của kia cho đến “tâm có căn thân”. Dẫn sự xưa của Kinh bộ Tông làm chứng.

Luận chép: Từ câu “Tôn giả Thế Hữu” cho đến nên không có lỗi: Nêu chấp khác, giải thích chung.

Luận chép: “Tôn giả Diệu Âm” cho đến lẽ ra cũng không diệt.

Là nói Sứ Diệu Âm bác bỏ.

Luận chép: Từ câu “Nếu nói như kinh” cho đến “Nên có khác nhau”. Lại ngăn hỏi vặn chung.

17. Kết quy về tông Bà-sa:

Luận chép: Từ câu “Do đạo lý này” cho đến “các tâm đều diệt”. Kết quy về tông Tỳ-bà-sa.

Luận chép: Nếu đều vô tâm làm sao gọi là Định, là ngoại đạo vặn hỏi. Định là tâm sở nếu đều vô tâm làm sao gọi là Định.

Luận chép: Từ câu “Đây khiến cho đại chúng” cho đến “nên gọi là định”.

Thuật: “Hữu Bộ có hai giải thích, Định là tên khác của Đẳng chỉ. tâm tán loạn không có công năng này. Nên Đẳng chỉ chỉ gọi đối với ở định, hai định vô tâm cũng có công năng này, nên hai định này cũng gọi là Đẳng chỉ.

Luận chép: Từ câu “Hai định như thế” đến “khiến bất sinh”.

Thuật: Hữu Bộ Tông thật có, nếu giả thì không có tự thể, làm sao có thể ngăn dứt tâm ngại, khiến cho không sinh.

Luận chép: Từ câu “Có chỗ nói chứng này” cho đến “Không có thật thể riêng”: Là giải thích kinh bộ giả thể.

Luận chép: Từ câu “Ở đây không chuyển” “Là thuộc về hữu vi”. Tuy vô thể mà gọi là hữu vi.

Luận chép: Từ câu “Hoặc tức sở y” cho đến “giả lập làm định”: là giải thích thứ hai. Tức vị vô tâm sở y sắc thân giả gọi là Định.

Luận chép: Từ câu “Nên biết Vô Tướng” “Còn lại nói như trước”: Giống như định Diệt Tận giải thích: Là Định Vô Tướng.

Luận chép: Đây chẳng phải khéo nói, trái với tông ta, rất dễ hiểu.

“Luận Chánh Lý” chép: “Lại chấp Diệt định làm thể chỉ là giả, chẳng hay pháp nào là giả sở y, chẳng phải lìa giả y mà có pháp giả .

Thuật rằng: như Bình v.v... là giả, sở y tức là bốn cảnh như Sắc... Nếu bốn cảnh không có, bình v.v... cũng không có thì chỉ có bất chuyển.

Thể của nó là không, làm sao có thể nói là thuộc về hữu vi. Đây là vị trước sau và hiện tại đều không có tánh. Hằng thời không thật có, nhưng câu “Là thuộc về hữu vi” chỉ có nói suông đều không có nghĩa thật. Nếu nói giả định cũng có sở y, nghĩa thân sở y, do tâm định dẫn, khiến khởi như thế, giả lập làm định, cho nên định này lẽ ra thuộc vô Ký. Chẳng phải pháp vô Ký có thể gọi là Thiện.

Thuật rằng: Nếu thân là sở y, tức là vô ký, trở xuống là tự lập tông. Cho nên chỉ nên y theo tâm, tâm sở mà khởi, năng lực của tâm định ở trước chẳng thể ngăn ngại tâm khác. Do đó nên biết, lìa tâm trước. Ngoài định có pháp khác, có thể ngăn ngại tâm, do pháp này, nên ở vị Vô tâm. Tuy có nhân của tâm mà tâm không khởi, tức Biệt pháp này gọi là định Tận Diệt. Thể là hữu vi, thật chẳng phải giả. Người Tu “quán hạnh” Do tâm định ở trước phải do nguyện lực ấy dẫn phát. Khiến cho thể lực của định Tận Diệt dần dần nhỏ, cho đến giai vị đều cùng tận, không có dụng ngăn ngại, ý pháp làm duyên. Vẫn sinh ý thức. Do đó y theo giải thích định Vô Tướng trước và Vô tướng.

Thuật rằng: cũng đồng thật có.

18. Nói về mạng căn:

Luận chép: Đã nói về hai định mạng căn là gì? Dưới đây nửa bài tụng thứ năm nói về, mạng căn.

Luận chép: Đến nghĩa là tuổi thọ ở ba cõi, ở đây dẫn Đối pháp giải thích hai tên gọi.

Luận chép: Ở đây còn chưa hiểu pháp nào gọi là Thọ: Là hỏi về Thế tánh.

Luận chép: Từ câu “Nghĩa là có pháp riêng” cho đến “gọi là thọ”.

Đáp: Thọ là thế.

19. Dẫn kinh để chứng minh:

Luận chép: Từ câu “Cho nên Thế tôn nói” cho đến “Như Lai không có tư giác”. Dẫn kinh để chứng minh.

Luận chép: Từ câu “Nên có pháp riêng” cho đến “Gọi là thọ”: là kết luận về thế dụng.

Luận chép: “Như vậy thọ này pháp nào giữ gìn được”: Là hỏi.

Luận chép: Từ câu “Noãn và thức vẫn có công năng giữ gìn thọ”, là đáp...

Luận chép: Từ câu nếu thế, cho đến “lẽ ra thường không tạ”, là vặn hỏi. Đã nói ba pháp giữ gìn lẫn nhau, hẳn không diệt trước, nên thường không từ tạ.

Luận chép: Từ câu “Đã thế thì thọ này” cho đến “nói tiếp chuyển”: Hữu Bộ bị vặn hỏi chuyển chấp.

Luận chép: Từ câu nếu thế vì sao, cho đến mà cần có thọ? Kinh bộ vặn hỏi. Kinh bộ Tông nói khi sáu xứ trụ thì thế phần gọi là Thọ. Giả lập trên thức này của Đại thừa. Hữu Bộ có vật thật riêng, nên Kinh Bộ nói. Vì sao không chấp nhận chỉ có nghiệp có thể giữ gìn noãn, thức mà cần phải có thọ?

20. Hữu bộ nêu lỗi:

Luận chép: Từ câu lẽ ra không nên như thế cho đến “hằng dị thực”: Hữu Bộ nêu ra lỗi. Nếu tất cả thức chỉ là dị thực có thể nói chỉ có nghiệp giữ gìn được, hữu tình hoặc khởi tâm thiện, nhiễm, và địa khác các thức Vô lậu hằng khởi, làm sao được nói chỉ có nghiệp giữ thức.

Luận chép: Từ câu đã thế cho đến “đâu cần thọ này”: Là Kinh Bộ chuyển chấp.

Luận chép: Từ câu như thế thức ở cho đến kia không có noãn: Là Hữu Bộ nêu ra lỗi, kia đã không có noãn, ai giữ gìn thức.

Luận chép: Nên nói thức nghiệp kia là năng trì, Kinh bộ lại chuyển chấp.

Luận chép: Từ câu “Đâu được tùy tình” cho đến “Chỉ có nghiệp giữ gìn thức” Hữu Bộ trách Kinh Bộ thường chuyển chấp.

Luận chép: Lại trước đã nói, là Hữu Bộ thuật lại phải ở trước.

Luận chép: Trước nói là gì: Là Kinh Bộ hỏi:

Luận chép: Từ câu là trước nói rằng cho đến “đều là dị thực”: Hữu Bộ nêu thuyết trước.

Luận chép: Từ câu cho nên chắc chắn phải cho đến “gọi là thọ”: Là Hữu Bộ kết luận tông mình.

Luận chép: Từ câu “Nay cũng không nói” cho đến “chẳng có vật thật riêng”: Là Kinh Bộ nêu tông mình.

Luận chép: Từ câu nếu thế cho đến “gọi là thọ”: Hữu Bộ hỏi về thể của thọ.

Luận chép: Từ câu “Là nghiệp ba cõi” cho đến gọi là thọ: Là Kinh Bộ đáp.

Luận chép: Từ câu “Như hạt giống lúa, v.v...” cho đến “Trụ thời thế phần.” Là Nêu dụ hiển rõ.

21. Nêu ý kinh chủ:

Luận Chánh Lý chép: “Ở đây chỉ nêu ý kinh chủ. Nếu ở trong năm sắc xứ thuộc dị thực do vô nghiệp dẫn thì. Đối với kia có khi không có nghiệp dẫn ý xứ thứ sáu.

Nghĩa là ở thời gian dài khởi thức nhiễm ô. Hoặc Thiện hữu lậu và thức Vô lậu trong vị nối tiếp. Không có nghiệp dẫn dị thực thế phần. Nói cái gì là Thọ, nếu ở chỗ này có nghiệp dị thực. Từ sát-na sinh ra đến lúc qua đời, thường Vô gián chuyển, nên nói là xứ có nghiệp dẫn trụ thời thế phần. Nối tiếp chắc chắn nói là mạng căn. Đây đã không có nghiệp dẫn dị thực trụ thời thế phần hàng Vô gián chuyển, làm sao có thể nói ở đây có mạng căn, lý nó đã như vậy là nói pháp nào gọi là nghiệp đã dẫn trụ thời thế phần. Thì nối tiếp chắc chắn gọi là “Mạng căn”, đây đã không có nghiệp dẫn dị thực trụ thời thế phần, đã không dẫn dị thực thời thế phần. Nối tiếp chắc chắn lại thuộc về ai. Đã không chắc chắn nối tiếp như thế. Do nghĩa nào mà nói tùy lúc nên trụ, như vậy khi trụ gọi là thọ thể, cho nên Kinh chủ đối với nghĩa này. Chuyên có nhiều lời đều không có sự tiêu biểu. Còn dẫn dụ làm chứng vô năng. Như chỗ dẫn nối tiếp không dứt cho đến khi nào thường chuyển theo. Mũi tên được bắn ra nối tiếp không dứt. Cho đến khi trụ thường chuyển theo. Hai thứ này có thể có cho đến khi nào dừng thì hàng tùy chuyển. Hai thứ này có thể có cho đến khi thực, khi trụ thế phần chẳng phải nghiệp dị thực ở bất cứ lúc nào cũng nối tiếp không dứt nên nói nghiệp dứt còn có chỗ dẫn trụ thời thế phần nối tiếp chắc chắn, tùy theo lúc nên trụ y theo văn luận trên. Luận Chánh Lý phá nghĩa Kinh bộ, luận chủ

đã buông bỏ không giữ nghĩa của Kinh bộ. không nhọc giải thích nữa. Nên văn sau nói: “Có vật thật riêng, đây nói là thiện, có người tuy giải thích theo sự câu-xá, nhưng chưa làm đúng lý.

22. Luận chủ bác bỏ:

Luận chép: Từ câu “Hữu là hữu hành” cho đến “thường hành không dứt” là Luận chủ nhân nghĩa liền bác bỏ cả Thắng luận. Đây là nói về chấp. Luận đó Đức nghĩa cũ có hai mươi bốn thứ, hành ở thứ hai mươi một nên nói là Đức khác nhau. Kia chấp các pháp từ đây đến kia. Nhanh chóng hồi chuyển v.v... đều do hành lực. Tên bắn cho đến khi chưa rơi xuống, hành giống như con chim ngậm quả, giữ mũi tên đó.

Luận chép: Từ câu “Thế kia là một, cho đến không có lúc đọa lạc: Là Luận chủ bác bỏ, trên mũi tên đó hành đức nắm giữ mũi tên, khi mới phát và khi sắp rơi thế của nó là một. Sau không có chướng khác đến cõi khác trước gấp sau huân, cho đến giai vị thời phần khác nhau, lẽ ra không được có, lại phải không bao giờ có lúc đọa lạc, mới phát sắp rơi một hạnh đó.

23. Bác bỏ chuyển chấp:

Luận chép: Từ câu “Nếu cho rằng do gió” cho đến “không khác nhau”: Là bác bỏ chuyển chấp. Nếu gió có thể chướng ban đầu thì sẽ đọa. Nếu ban đầu không thể chướng thì sau cũng phải như vậy. Tức phải không bao giờ có lúc đọa lạc, Chướng phong một.

Luận chép: Từ câu có vật thật riêng cho đến “thuyết này là hay” Luận chủ kết quy về Hữu Bộ Tông.

Luận chép: Vì thọ hết, nên chết lại cố nhân khác, dưới đây, là nói phụ thêm.

Trước hỏi sau đáp, đây là hỏi.

24. Dẫn bốn trường hợp của luận:

Luận chép: Từ câu luận “Thi thiết chép” cho đến “thọ xả hành: Là dẫn bốn trường hợp của luận là đáp.

Câu một: “Cảm chịu dị thực nghiệp hết” ở đây có cả hai nghĩa:

Nhậm nghiệp tự lực hết nên không thể chiêu cảm quả.

Do bờ mé định tổn nghiệp lực của nó nên không thể chiêu cảm quả. Thọ xả hành lại có hai nghĩa:

Cũng được đồng với duyên ngoài tổn thọ.

Cũng được đồng thọ đó hết nên chết, cùng với duyên ngoài tổn, nghĩa không hoàn toàn đồng, duyên bên ngoài tổn thọ, chẳng phải làm cho nghiệp lực không chiêu cảm dị thực. Nhưng duyên mạnh ở nghiệp thọ tùy duyên tổn, thọ xả hành nghĩa chuyển nghiệp lực, khiến

cho chiêu cảm quả giàu có. Cùng với thọ nghiệp hết cũng không hoàn toàn đồng, thọ nghiệp lực hết chẳng phải tha duyên. Thọ xả hành lực là duyên khác khiến hết, đều có chút đồng nhau. Luận Chánh Lý sắp đồng nghiệp hết. Luận này nói đồng với hoành duyên. Hai Sư đều y theo một đường. Lẫn nhau không hoàn toàn “thị” cũng không hoàn toàn “sai”. Luận Chánh Lý trước bắt bẻ tự chiêu cảm lỗi. Đây là câu thứ nhất tuổi thọ hết nên chết. Câu thứ hai phước hết nên chết. Câu thứ ba đều hết nên chết. Câu bốn đều không hết nên chết. Nhưng do duyên ngang trái nên chết. Lại cũng nên nói do “xả thọ hành cố” nên đồng chút ít. Câu bốn nên dẫn vào trong đây. Nên Luận Chánh Lý chép: Không nên lại nói thọ xả hành. Nghĩa đã nhiếp trong câu đầu. Lấy chút đồng nghĩa câu đầu, như trước có giải thích rộng.

25. Giải thích câu hỏi:

Luận chép: Từ câu “Trong lúc thọ hết” cho đến đều hết cho nên chết: là

Giải thích câu hỏi. Có công năng chiêu cảm hai nghiệp lúc đều hết thì chết, đâu do phước hết khiến mạng chết ư? Giải thích rằng Phước hết chết tuy không có công lực vì khi chết hai câu thời hết. Do đó chỉ nói đều hết nên chết. Điều hết này nói không muốn nói do sức phước hết.

Luận chép: Từ câu “Luận Phát Trí chép” cho đến “nhất khởi liên trụ” lại dẫn Luận Phát Trí giải thích phụ thêm.

Luận chép: Từ câu “Kia nói nghĩa gì” cho đến “hễ khởi liên trụ” Luận chủ giải thích luận Phát Trí, hoặc luận Phát Trí tự giải thích. Luận

Chánh Lý chép: Nếu chỗ nương thân có thể tổn hại, nên thọ tùy tổn hại, gọi là tùy tướng xoay vần thứ nhất. Nếu chỗ nương thân không thể tổn hại như khởi mà trụ, thì gọi đó là hễ khởi liên trụ thứ hai. Luận Tỳ-bà-sa chép: “Có nói Sắc thân gọi là nối tiếp. Nếu thân bình hòa thọ thì vô yếu, nếu thân tổn hại tuổi thọ thì trung yếu.

Luận chép: Từ Ca-thấp-di-la” cho đến” hữu chết phi thời”. Dẫn Tỳ-bà-sa giải thích. Tùy nối tiếp chuyển là có chương chết phi thời. Không tùy nối tiếp chuyển, hễ khởi liên trụ là không có chương này. Phi là chết phi thời. Không tùy nối tiếp chuyển. Hễ khởi liên trụ không chương phi là chết phi thời.

26. Dẫn bốn đắc tự thể:

Luận chép: Từ câu “Nêu kế kinh nói” cho đến khi “Luân vương ở trong thai” Trở xuống dẫn bốn đắc tự thể, chứng nghĩa trước. Ba câu trước chứng tùy nối tiếp chuyển. Câu bốn chứng hễ khởi liên trụ. Hy vọng niệm Thiên do hỷ tăng. Nên vọng niệm liên chết. Ý trời phần

nhuế do nộ tăng, cho nên chết. Luận Tỳ-bà-sa quyển 190 chép:

Hỏi: Hai trời này nói: Chư thiên như vậy trụ ở chỗ nào?

Có thuyết nói trụ tầng cấp Diệu cao. Có thuyết nói đó là tầng trời ba mươi ba. Nay xét ra, trời này tuy hai thuyết khác nhau, nhưng đều có thể được cùng Tu-la hại nhau. Ý theo đây liền hợp hai hại đều có, vì sao chỉ nói, chỉ có thể tự hại. Lại lẽ ra nói Chư Phật tự Bát Niết-bàn. Đây cũng đều thuộc về câu tự hại. Luận Tỳ-bà-sa 151 ở trong câu này nói: “Lại có một loại hoặc rồng, hoặc chim cánh vàng, hoặc quỷ và người hoặc thứ khác có thể tự hại chẳng phải người hại. Chỉ có thể người hại và đều hại. Như vượn rất dễ hiểu. “Câu phi hại”: Trong đó có hai cõi trên hoàn toàn, vì nghiệp cảm thù thắng, Na-lạc-ca, do nghiệp ác phẩm Thượng. Chiêu cảm châu câu lô ở phía Bắc, Thọ phần định, thấy đạo, định Từ, định Diệt và định Vô Tướng, định lực cao siêu. “Vương tiên” là Luân vương hoặc bổ nước tu tiên, hoặc lúc mới thọ vị trước học tập đạo Tiên, gọi là Vương tiên. Đây cũng do nghiệp lực tốt đẹp, đều chẳng phải hại vậy. “Phật sử” nghĩa là người bị sai. Đây là do Phật lực, như thời-phước-ca, Hán dịch là Hoạt mạng, xưa dịch: Là Kỳ-bà, hoặc dịch Kỳ-vực là sai. Phật khiến nhảy vào lửa ôm lầy. Thù Để Tướng Ca, Hán dịch là Hữu mạng, cựu dịch là Thọ-đề-già, là sai. Đây là kinh Niết-bàn nói ngoại đạo thọ ký là nữ, Phật thọ ký là nam. Người mẹ chết do bị lửa đốt cháy, Phật sai hoạt mạng ôm lầy Hữu Minh, lửa không thiêu Hoạt mạng, Phật sai Hữu Minh, Phật thọ ký đều không chết. Đạt-Nhĩ, Hán dịch là Hữu pháp, La, Hán dịch là Thủ, đối với hữu pháp xin từ thần mà được tên, nên gọi là Hữu pháp Thủ. Ôn-đát-la, Hán dịch là Thượng Thắng, cũng là Trưởng giả tử. Khắc Kỳ là tên Thần sông, La là Nhiếp Thọ. Cha mẹ thương con nên đặt tên con là Khắc-kỳ để nhiếp thọ. Nữ thanh gọi là Kỳ, Nam thanh gọi là già. Xưa dịch Hằng Hà, là sai. Trưởng giả tử Da-xá. Da-xá Hán dịch là Danh Xưng, xuất gia với Phật. Ban đêm qua biển an nhiên không tổn hại. Cứu-ma-la-thời-bà. Cứu-ma-la Hán dịch là Đồng tử, Thời-bà, Hán dịch là Hoạt mạng, gọi là Đồng tử Hoạt Mạng, là thân cuối cùng của Bồ-tát, là thân sinh ra ở cung vua, những thứ này đều là cùng lúc không hại.

Hỏi: “Như vậy vì sao cùng với trên không tùy nối tiếp chuyển khác nhau.

Đáp: Do rộng lược khác nhau mà thôi, Như bốn trường hợp của luận Tỳ-bà-sa khác với ở đây. Như trên là dẫn ý của Luận Sư.

27. Người ngoài vãn hỏi:

Luận chép: Nếu thế cho đến thọ sinh hữu tình, là người ngoài vãn

hỏi, như trên đã nói là đều chẳng phải hại. Vì sao khế kinh chỉ nói phi tướng xứ thọ sinh hữu tình.

Luận chép: Từ câu “Truyền thuyết” cho đến “Đều chẳng thể hại” Là luận chủ đáp.

Không bị tự địa Thánh đạo và Tha cận phần đạo hại nên gọi là câu phi hại. Ở địa khác bị Tha Cận phần địa đạo và Tự địa Thánh đạo, làm hại nên không gọi là phi tự tha hại.

Luận chép: Từ câu “Chẳng lẽ không phải hữu Đảnh” cho đến “nên gọi là tha hại”. Là người ngoài hỏi lần nữa, đã bị Thánh đạo địa dưới hại, vì sao được gọi là phi tự tha hại. Không tin giải thích trước, nên nói là truyền thuyết, đây là vấn hỏi không chống chế.

Luận chép: Từ câu “Nên nói như thế” cho đến nêu sau bày trước.

Luận chủ lại dẫn chánh giải. Lý thật sắc, cội Vô Sắc, tất cả hữu tình đều chẳng có hai hại. Kinh nói: Phi tướng Phi phi tướng. Là nêu sau bày trước, dẫn ra thí dụ.

Luận chép: Từ câu “Thế nào là hữu xứ” cho đến “thứ nhất là tầng trời lạc sinh”.

“Lạc sinh thứ nhất lên có ba: Phạm chúng là đầu tiên nêu Phạm chúng gồm hiển bày hai cội trên. Luận chép: Thế nào là hữu xứ cho đến trời sinh lạc sinh thứ hai trời. Lạc sanh thứ hai có ba tầng trời: Trời Cực Quang Tịnh là tầng trời trên hết. Nêu Cực quang tịnh để nói hai tầng trời dưới.

Luận chép: Từ câu “Kinh kia như thanh” cho đến “Không thể sánh với tầng trời kia”: Là người ngoài vấn hỏi. Văn trước nói, nghĩa là ở Phi tướng Phi phi tướng xứ. Không nói như Phi phi tướng. Văn sau nói như trời Phạm chúng “Như thanh là hiển nghĩa thí dụ. Văn sau nói “Như trời Phạm chúng” các tầng trời khác cũng như vậy. Nên nói “nêu trước hiển sau”. Kia không “như thanh”, làm sao được nói: “Nêu sau hiển trước”

28. Luận chủ bác bỏ vấn hỏi:

Luận chép: Từ câu “Nếu hiển bày nghĩa của dụ” cho đến “cũng có như thanh”. Luận chủ bác bỏ vấn hỏi ở trước. Nếu nói phải có thí dụ mới được có như thanh, như người một phần trời là thức thứ nhất trụ. “Như thanh” ở đây là muốn dụ cho pháp nào. Nên biết không Dụ cũng có “như thanh” Như Phạm chúng nói cũng chẳng có thí dụ, chỉ nêu Phạm chúng gồm nói cả tầng trời trên.

Luận chép: Đã nói các tướng mạng căn đó là gì: Trở xuống có một

bài tụng rưỡi thứ sáu nói về bốn tướng hữu vi. Trong đó có ba. Nửa bài tụng đầu nói thể của tướng. Nửa bài tụng kế nói về tiểu tướng. Nửa bài tụng sau nói bốn nhân duyên đối đãi nhau.

Luận chép: Cho đến “là pháp vô vi” là giải thích chung, tên gọi bốn tướng.

Luận Chánh Lý chép: “Bốn tướng như vậy là tướng hữu vi, hiển rõ tánh đó nên được tướng đó.

Thuật: Bốn tướng này hiển rõ các tánh hữu vi là vô thường, từ chỗ hiển đó gọi là tướng hữu vi. Không có tướng đó tiêu biểu là vô vi. Luận Tỳ-bà-sa quyển 38 chép: vì sao soạn luận này. Có người chấp các tướng hữu vi đều là vô vi, như Phân Biệt Luận Giả. Hoặc lại có người chấp ba tướng là hữu vi, diệt tướng là vô vi, như pháp Mật Bộ, hoặc lại có người chấp tướng và sở tướng. Tất cả tướng tợ, như tướng tợ nối tiếp Sa-môn, họ nói rằng Sắc pháp sinh, già, trụ, vô thường, thể vẫn là sắc. Cho đến thức cũng như vậy. Nói lên y hữu vi là tướng, chỉ thuộc về bất tướng ứng hành uẩn. Hoặc lại có người chấp năm uẩn như sắc v.v... Khi xuất thai gọi là Sinh, khi nối tiếp gọi là Trụ. Khi suy biến gọi là Di. Khi qua đời gọi là Diệt. Như Sư Kinh Bộ, vì ngăn dứt chấp đó, nên nói đó chỉ là tướng chúng đồng phần, chẳng phải tướng hữu vi. Tướng hữu vi là các pháp hữu vi mỗi Sát-na đều có bốn tướng. Luận Tỳ-bà-sa quyển 39 chép: Nghĩa là có người chấp ba tướng hữu vi, chẳng phải một sát-na. Như Thí Dụ giả, nói rằng: “Nếu một sát-na có ba tướng” thì lẽ ra một pháp cùng lúc vừa sinh, vừa diệt. Nhưng không có việc này, vì trái nhau. Nên nói các pháp mới khởi gọi là sinh, sau cùng diệt hết là gọi Diệt giữa chừng dị thực gọi là già, là ngăn dứt chấp kia, nói một sát-na có đủ ba tướng. Hỏi: Nếu thế thì lẽ ra một pháp trong một lúc vừa sanh, vừa già, vừa diệt.

Đáp: Khi tác dụng khác nên không trái nhau. Nghĩa là khi pháp sinh thì sinh có tác dụng khi Diệt thì già mới có tác dụng. Tuy thể đồng thời, nhưng dụng có trước sau. Một pháp sinh diệt tác dụng rất ráo, gọi là một sát-na. Nên không có lỗi, hoặc vị sinh diệt chẳng phải một sát-na. Nhưng một sát-na có đủ ba thể nên nói: “Ba tướng đồng một sát-na”. Do nhân duyên đó nên soạn luận này.

Y theo hai giải thích trên. tướng dụng đều là khác thời. Trước giải thích ba tướng đồng một sát-na, sau giải thích sanh, diệt khác sát-na. nhưng tướng dụng của dị diệt, thời đồng khác, vẫn không chắc chắn. hỏi: Bốn tướng là cộng tướng hay tự tướng? Có thuyết nói tự tướng, có thuyết nói cộng tướng. Lời bình: Nên nói như vậy: Đây là cộng tướng,

nhưng cộng tướng có hai thứ: Một là tự thể cộng tướng, nghĩa là mỗi pháp hữu vi tự thể đều có bốn nghĩa như sanh, v.v... hai là Hòa hợp cộng tướng, nghĩa là mỗi pháp hữu vi đều hòa hợp với bốn tướng như sanh, v.v... Bốn tướng này chỉ là hòa hợp cộng tướng. Lại giải thích rằng: Tướng sát-na trụ nhỏ nhiệm khó biết, khó có thể lập bày, cho nên nói không trụ, nghĩa là lượng của sát-na chỉ Phật mới biết, chẳng phải cảnh giới của các Thanh văn, Độc giác; Như nường thần thông co duỗi cánh tay, mất ở chỗ này sanh lên cõi Sắc: Cứu cánh, trong thời gian đó chẳng phải không nối tiếp, có công năng từ đây đi đến chỗ kia, cũng chẳng phải một pháp dời chuyển đến chỗ kia. Lại không phải từ đây vượt đến chỗ kia, cho nên chắc chắn từng sát-na sanh diệt nối tiếp từ đây đến kia, trong thời gian đó lượng của các sát-na rất nhỏ nhiệm, chỉ có Phật mới biết, do đó nên nói các hành có trụ, có thuyết nói vô trụ. Lời bình: Đã không thể giải thích thì nên tin có trụ, nhờ có năng lực của tướng trụ nên các hành sanh rồi có công năng chấp lấy tự quả, chấp lấy sở duyên; Do năng lực của dị, diệt mà sau một sát-na không còn tác dụng. Nếu không có tướng trụ thì các hành lẽ ra không có nhân quả nối tiếp, pháp tâm và tâm sở lẽ ra không có sở duyên, cho nên phải có trụ.

29. Giải thích tên khác:

Luận chép: Trong đây đối với pháp cho đến năng hoại gọi là Diệt: Là giải thích tên khác. Luận Chánh Lý chép: Trong đây, sanh nghĩa là có pháp riêng, là hành sanh vị không chướng ngại duyên tốt. Do có công năng dẫn nhiếp khiến cho sanh. Năng dẫn nhiếp nghĩa là khi kia sanh thì pháp này có công năng làm tánh duyên tốt cho pháp kia. Tuy các hành khởi nhưng đều được gọi là Đắc sanh. Nhưng từ ngữ sanh này chỉ y theo vị sanh của các hành, không chướng ngại duyên tốt mà lập. Trụ nghĩa là pháp riêng đã sanh chưa hoại. Các hành dẫn tự quả, không chướng ngại duyên tốt; Dị nghĩa là pháp trước là hành nối tiếp, sau đổi khác nhân trước; Diệt là pháp riêng là câu sanh hành, làm diệt hoại nhân tốt.

Luận chép: Tánh nghĩa là thể, ở đây giải thích chữ thứ mười trong bài tụng. Luận chép: Chẳng lẽ không nghe kinh nói cho đến tướng hữu vi, là hỏi. Kinh nói có ba, vì sao nói bốn? Đáp: Trong đó có hai: Một là không nói tướng trụ, hai là trụ và dị hợp nói chung.

Luận chép: Trong kinh này cho đến cái gọi là tướng Trụ, đây là sơ đáp, lẽ ra hợp nói có bốn, vì không nói trụ nên chỉ nói có ba.

30. Giải thích câu hỏi:

Luận chép: Nhưng Kinh nói trụ, dị cho đến dị gọi là trụ dị: Là giải

thích câu hỏi, hỏi rằng: Nếu Kinh không nói tướng trụ, vì sao kinh ấy nói tướng Trụ dị? Giải thích rằng: Kinh nói Trụ dị là tên khác của Dị ở trong đó, là dẫn ví dụ rất dễ hiểu.

Luận chép: Nếu pháp khiến hành, cho đến trong tướng hữu vi: Là giải thích lý do Kinh không nói tướng Trụ, trong đó có hai: Một là tướng trụ, không làm cho hữu tình sợ hãi nên không nói; Hai là vì tướng trụ xâm phạm vô vi nên không nói, đây là phần đầu, lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: lại pháp vô vi cho đến nên Kinh không nói: Là đáp thứ hai, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Hữu nghĩa là Kinh này cho đến gọi là tướng Trụ dị. Dưới đây là đáp thứ hai của toàn văn, Kinh không nói, tức là nêu thuyết khác.

Luận chép: Đâu cần hợp chung nói như thế làm gì, là hỏi lý do hợp nói chung. Luận chép: Trụ là hữu tình cho đến đi chung với cát tướng, là đáp lý do hợp nói chung, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Cho nên chắc chắn có bốn tướng hữu vi, là kết luận.

31. Nói về tùy tướng:

Luận chép: Tướng sanh, v.v... này, trở xuống nửa bài tụng, thứ hai là nói về tùy tướng. Bốn tướng này được đặt tên khác nhau, hoặc gọi là tùy tướng, tùy bốn tướng, hoặc gọi là tiểu tướng, là đối với đại tướng, hoặc gọi là sanh sanh đẳng, sanh bốn sanh đẳng.

Luận chép cho đến bốn thứ bản tướng: Đây là giải thích chữ Thứ trong bài tụng, tức là bốn bản tướng này. Luận Chánh Lý giải thích rằng: Trong đây có nói hiển bày cả nghĩa Định, ý nói rằng ở đây chỉ có bốn, chẳng có thứ khác, đây là nói bốn thứ bản tướng đã nói ở trước.

Thuật rằng: Giải thích ở đây đồng với luận này, giải thích thì có, luận này thì không. Luận chép: Sanh sanh đẳng cho đến diệt diệt: Ở đây giải thích tất cả tùy tướng của bản tướng. Luận Chánh Lý chép: Tức là sanh sanh của sanh cho đến diệt diệt của diệt.

32. Giải thích các hành hữu vi:

Luận chép: Các hành hữu vi cho đến do bốn tùy tướng: Đây là giải thích các hành hữu vi, có hai nghĩa:

1) Pháp thể sanh diệt do bốn bản tướng.

2) Được gọi là hữu vi do bốn bản tướng, bản tướng hữu vi cũng giải thích theo đây.

Luận Chánh Lý chép: Đức Thế tôn ở chỗ nào nói tùy tướng? Chẳng lẽ không nghe Kinh này cũng nói tùy tướng, nghĩa là các tướng như sanh, v.v... cũng là hữu vi. Các tướng như sanh sanh, v.v... cũng khởi đẳng tánh-khế Kinh đã nói có ba tướng hữu vi của hữu vi. Sự sanh khởi

của hữu vi cũng có thể hiểu rõ, tận và trụ dị cũng có thể hữu rõ, vì sao trong đây không nhiếp tùy tướng. Lại đối với các tướng đều có cũng nói, cho nên trong Kinh này cũng nói tùy tướng, ý nói sự sanh khởi của hữu vi cũng rất dễ hiểu rõ. Khởi thì bản tướng sanh, cũng biểu thị cho nghĩa sanh sanh, tận và trụ dị cũng rất dễ hiểu rằng loại khởi cũng nói, nên giải thích đúng như lý. Nếu không như thế thì đâu cần cũng nói, cho nên trong kệ Kinh đối với pháp vô vi nói còn không có khởi, v.v... rất dễ hiểu, ý thuyết này nói các pháp vô vi còn vô sanh, v.v... bản tướng rất dễ hiểu, hướng chỉ các tùy tướng như sanh sanh, v.v... mà có thể được. Nếu không như thế thì lẽ ra chỉ nói vô khởi, v.v... rất dễ hiểu, không nên nói còn. Lại trong kệ kinh, bạc-già-phạm nói các tướng hữu vi lại có tướng, cho nên kệ Kinh nói sắc có khởi tận, ở đây lại nên biết cũng có khởi tận; cho đến nói rộng. Lại kệ Kinh nói già chết sanh, v.v... do đó nên biết tướng lại có tướng.

33. Giải thích có lỗi vô cùng:

Luận chép: Chẳng lẽ không có bản tướng cho đến xoay vần vô cùng: Đây là giải thích có lỗi vô cùng, trước hỏi sau đáp, đây là hỏi.

Luận chép: Không có lỗi này cho đến công năng khác: Là đáp.

Luận chép: Sao gọi là công năng cho đến có người cho là sử dụng: Là giải thích công năng, tác dụng là tên của nghiệp dụng, sử dụng y theo dụ để hiển bày. Luận Chánh Lý chép: Là dụng của duyên gần, gọi là công năng. Luận chép: Bốn thứ bản tướng cho đến một pháp hữu dụng: Đây là giải thích công năng khác nhau. Luận chép: Nghĩa ấy thế nào? Là hỏi. Luận chép: Nghĩa là khi pháp sanh cho đến chỉ sanh bản sanh: Đây là đáp rộng.

34. Nêu thí dụ:

Luận chép: Như con gà nói cho đến sức mạnh cũng thế: Đây là nêu thí dụ. Luận Chánh Lý chép: Tánh sanh đã không khác thì công năng đâu có khác, như tánh lãnh nạp tuy không khác mà có công năng tổn ích khác nhau. Lại cảnh bản tướng, tùy tướng có nhiều ít, như cảnh của năm thức, ý thức có nhiều ít.

Luận chép: Trụ trong bản tướng cho đến tùy theo sự thích ứng cũng thế. Ba tướng sau đây giải thích y theo trước.

35. Tổng kết:

Luận chép: Từ câu “cho nên sinh v.v...” cho đến “không có lỗi vô cùng”. Đây là Tổng kết.

Luận chép: Từ câu “Sư nói Kinh bộ” cho đến “như đã phân biệt. Sư Kinh bộ y theo bốn tướng vô thể đồng với Đại thừa, nên làm thương

lược.

Luận chép: “vì sao”: Là hữu Bộ nêu.

36. Kinh bộ nêu lý do:

Luận chép: Từ câu “Vì Vô định lượng” cho đến “chứng thể thật có”: Kinh bộ nêu ra lý do, đã không có ba lượng thì đâu được nói có.

Luận Chánh Lý chép: Từ câu “lại, các tướng này chẳng lẽ như chiếc bình v.v... Có chắc chắn hiện, tử, hoặc” chỉ “giáo lượng”. Chứng minh thể giả có. Đã ngăn thật có. Nên định kia phải chấp nhận sinh v.v... tướng thể là giả có, thứ ba chấp có, lý hẳn không như vậy.

Luận chép: Từ câu “Nếu thế vì sao” cho đến “Cũng rất dễ hiểu rõ”: Là Hữu bộ chống chế. Kinh chép: Có ba tướng hữu vi của hữu vi, tức là tên thuộc chủ. Trước là bốn pháp, sau là kỳ tướng. Nên biết ngoài pháp có bốn tướng riêng.

Luận chép: Từ câu “Thiên ái” cho đến “nghĩa là sở y”: Là Kinh Bộ đáp:

Luận chép: “Sao gọi kinh này là nói thật nghĩa; Hữu bộ hỏi.

37. Kinh bộ giải thích:

Luận chép: Từ câu “loại Ngu phu” cho đến “tướng hữu vi”. Dưới đây Kinh bộ giải thích, trong đó có năm:

- 1) Nói ý kinh nói.
- 2) Nói kinh không nói bốn tướng Sát-na.
- 3) Giải thích kinh nói lại tướng hữu vi rằng.
- 4) Nêu lên điều mà kinh bộ lập.
- 5) Dẫn giáo thể.

- Đây là văn ban đầu.

Luận chép: Từ câu “Chẳng hiển bày các hành” cho đến “Cũng rất dễ hiểu rõ”.

- Thứ hai nói: Phi sát-na mà Kinh nói, hễ nói tướng là tiêu biểu cho thể tánh, khiến người biết rõ. Kinh nói cũng rất dễ hiểu rõ. Nói phi không thể biết, trong một sát-na sinh bốn tướng, đã không thể biết, chắc chắn chẳng phải kinh nói.

Luận chép: Từ câu “Nhưng Kinh nói lại” cho đến “tiêu biểu cho thiện, phi thiện”.

- Thứ ba nói “kinh nói lại” ý nghĩa hữu vi. Kinh nói tướng hữu vi của hữu vi. Câu trước chỉ bày ba thể tướng. Câu sau biểu thị ba tướng trước là hữu vi. “phi” là như chỗ nào có vệt trời trắng, thì biết chỗ đó có nước. Cũng chẳng phải muốn tiêu biểu hữu vi, thiện, ác như đồng nữ có tóc tế buông xuống hao cánh tay quá gối, là tướng thiện. Tóc thô ngắn

là tướng ác.

38. Nói về kinh bộ tông:

Luận chép: Từ câu “Các hành nối tiếp,” cho đến “gọi là trụ dị” Đây là thứ tư nói về kinh bộ Tông. Ở đây nói một lúc ba tướng là giả chẳng phải thật. Chẳng phải một sát-na là thật chẳng phải giả.

Luận chép: Từ câu “Thế tôn y theo đây” cho đến “suy dị hoại diệt”: Trở xuống thứ năm là dẫn giáo thể. Trong đó có năm:

- 1) Dẫn Phật nói kinh cho Nan-đà nghe.
- 2) Dẫn ba bài tụng.
- 3) Dẫn luận này.
- 4) Giải thích luận này.
- 5) Tức lập riêng bốn tướng sát-na là giả chẳng phải thật.

Đây là câu đầu. Nan-đà là em của Phật, tánh nặng về dục nhiễm. Gốc dục nhiễm là tham thọ. Phật dạy Nan-đà quán thọ sinh, trụ, dị, diệt. Nan-đà đắc đạo Phật ở trong chúng bảo Nan-đà rằng: “Người Thiện nam này khéo biết thọ sinh, khéo biết thọ trụ, khéo biết thọ suy, dị, hoại diệt. Theo văn kinh này. Một loại thọ lạc bắt đầu khởi gọi là Sinh, cuối cùng gọi là Diệt, chẳng phải một sát-na quán thọ thông suốt thân mình, người. Cũng không được nói tâm hiện tại không được quán hiện tại thọ.

Luận chép: Từ câu “Nên nói tụng rằng” đến “Nối tiếp nói trụ”.

Thứ hai dẫn ba bài tụng chứng nghĩa Kinh bộ.

Hai bài tụng trước chứng minh một lúc bốn tướng chẳng phải một sát-na. Bài tụng sau bác bỏ có tướng trụ.

Luận chép: Từ câu “Do Đối pháp” này cho đến “Gọi là sát-na pháp tánh. Đây là thứ ba dẫn luận này làm chứng.

Luận chép: Từ câu “Tuy luận phát trí” cho đến “Chẳng phải một sát-na: Đây là thứ tư giải thích văn của luận này.

Câu “Nhất tâm” chẳng phải một sát-na gọi là nhất tâm. Y theo một tâm nối tiếp của chúng đồng phần mà nói nhất tâm.

39. Lập riêng bốn tướng sát-na:

Luận chép: Từ câu “Lại mỗi sát-na” cho đến “Bốn tướng cũng thành”.

Thứ năm lập riêng bốn tướng sát-na là giả chẳng phải thật, trong đó có hai:

- 1) Nêu tông.
- 2) Hỏi đáp, đây là nêu tông.

Luận chép: “Làm sao được thành”. Là hỏi

Luận chép: Từ câu “Mỗi niệm” cho đến “đều khác nhau”

Là đáp. Nghĩa là mỗi niệm xưa không nay có sinh. Theo đây sinh ở hiện đời. Đồng với Đại thừa. Tức là pháp có tên, sinh chỉ có hiện. Có rồi lại không gọi là Diệt, đây cũng đồng với Đại thừa. Pháp không gọi là Diệt. Đến khi tướng Diệt, pháp đã quá khứ. Sát-na sau sau, nối tiếp trước khởi, đó gọi là trụ. Đây khác nhau với Đại thừa. Luận Thành Duy Thức chép: Trụ tiêu biểu pháp này tạm có dụng. Nối tiếp trước trước khởi vì nghĩa nối tiếp không dứt, gọi là trụ, tức trước sau kia có khác nhau, nên gọi là Trụ dị. Ở niệm trước sau khi tương tự sinh, trước sau tương tự vọng chẳng phải không khác nhau. Đây cũng khác nhau với Đại thừa. “Luận Thành Duy thức” chép: Dị tiêu biểu cho pháp này chẳng phải bất động.

Luận chép: Tướng Sai khác vì sao nên biết, là hữu Bộ hỏi Như Kim Cương... tướng khác trước sau vì sao biết được.

Luận chép: Từ câu “Kim Cương v.v...” cho đến “Mà thấy tương tự: Là Kinh bộ đáp”. Như Kim Cương là vật rất cứng. Trước sau đồng nhau mà có ném, chưa ném khác nhau. Và dùng sức mạnh ném đi xa, rơi xuống chậm. Sức yếu ném đi gần rớt xa, thì khác nhau. Tuy có khác nhau. Kim Cương bền tướng trước sau tương tự. Đại chúng tuy là trước sau tương tự. Chuyển biến khác nhau nghĩa nó cũng thành. Cũng là các hành khác, so sánh cũng vậy.

Đại chúng tuy là trước sau tương tự. Chuyển biến khác nhau nghĩa của nó cũng thành. Cũng các hành khác so sánh cũng như thế. Tướng tuy tương tự chuyển biến nghĩa thành.

40. Hữu bộ vấn hỏi:

Luận chép: Từ câu “Nếu thế” cho đến “Nên không khắp hữu: Là hữu Bộ vấn hỏi. Sau cùng thanh là trước và Niết-bàn thời sau rốt sáu xứ. Đã không có sau để khác, nên không trụ dị. Sự bất bề hữu Bộ tướng trụ, dị. Đã không trụ dị, hai tướng trụ, dị do ông đã lập. Không khắp hữu vi.

Luận chép: “Đây không nói trụ là tướng Hữu vi”: Là Kinh bộ đáp:

Ngã thứ ba nói “Trụ dị tướng” Không muốn nói trụ là tướng Hữu vi, nhưng muốn nói Dị là tướng hữu vi luận chép: Nghĩa ấy thế nào”: Là hữu Bộ nêu.

Luận chép: Từ câu “Nghĩa là dị của trụ” cho đến “Chẳng có lỗi không khắp”: Là Kinh bộ đáp. Nghĩa là Dị của trụ. Nếu có trụ phải có Dị. Nghĩa là thanh cuối cùng trước nối tiếp khởi nên gọi là Trụ. Đây

gọi là trụ thanh cuối cùng niệm trước gọi là trụ dị, tức trụ gọi là Dị, nên gọi là Trụ dị. Chẳng phải đợi sát-na sau, trước mới gọi là Dị, cũng chẳng phải đợi Sát-na sau, trước mới gọi là Trụ, lý tất nhiên như vậy. Chỉ nên sau khác với trước nên gọi là Dị. Không thể trước dị ở sau gọi đó là Dị. Nếu Dị ở trước thì Dị là do ở mình. Nếu Dị ở sau, thì Dị là do người khác.

41. Kinh bộ nêu ý kinh:

Luận chép: Từ câu “Nhưng trong kinh này” cho đến “Vật khác như sinh v.v...” là Kinh Bộ nêu ý kinh. Tức pháp hữu vi xưa không nay có gọi là sinh. Đã có nay trở lại không gọi là Diệt. Nối tiếp gọi là Trụ. Tức ở niệm trước niệm sau này khác nhau gọi là Dị. Đã hiển tướng vô thường của hữu vi, đâu cần lìa tướng đó mà có sinh riêng ...

Luận chép: “Thế nào là pháp sở tướng tức lập làm năng tướng”: Là Hữu bộ vặn hỏi. Nếu nói sắc, v.v... xưa không nay có, v.v... là tướng hữu vi, tức là sở tướng lập làm năng tướng. Thế nào là pháp sở tướng được lập làm năng tướng?

Luận chép: Từ câu “Thế nào là tướng đại sĩ” cho đến “lý cũng như thế”: Kinh bộ dẫn thí dụ đáp. Đã là tướng Đại sĩ không khác đại sĩ v.v... Nên biết tướng hữu vi không khác hữu vi.

42. Kinh bộ nói bốn tướng:

Luận chép: Từ câu “Tuy hiểu rõ hữu vi” cho đến “có các vật” thật như sinh v.v...

Kinh bộ nói bốn tướng như sanh v.v... trong Kinh. Tuy không lìa hữu vi, nhưng không tức hữu vi. Tuy rõ tự tánh của sắc hữu vi v.v... nhưng không thể rõ xưa không nay có là sinh. Nay có sau không là Diệt. Trụ tướng nối tiếp Trụ, Dị không khác nhau vẫn chưa biết thể kia là hữu vi, cho nên chẳng phải sắc là tướng hữu vi, nhưng chẳng lìa sanh của sắc kia mà có các vật thật như sanh v.v...

Luận chép: Từ câu “Nếu lìa hữu vi” cho đến “Có gì là phi lý”: Là Hữu Bộ lại hỏi. Ta lập sinh khác có thể tánh, dị khác tướng đó có gì phi lý.

43. Kinh bộ nói về phi lý:

Luận chép: Từ câu “Một pháp cùng lúc” cho đến “chấp nhận câu hữu” Kinh Bộ nói về phi lý. Đối với mỗi pháp đồng thời có bốn tướng như sinh v.v... Tức khi pháp sinh lẽ ra diệt ngay v.v... vì Đồng là hữu thể.

Luận chép: Từ câu “bất bẻ này không đúng” cho đến “Mà không trái nhau”: Là Hữu Bộ giải thích. Tuy thể đều có, nhưng dụng có trước

sau. Nghĩa là sinh tác dụng khiến pháp chưa sinh sinh đến hiện tại, Hiện tại đã sinh thì đâu cần tướng sinh. Do đó khi sinh chẳng phải tức trụ, suy dị, hoại, diệt.

Luận chép: Từ câu “Hãy nên nghĩ chọn” cho đến “Hữu dụng vô dụng”: Là Kinh Bộ bất bẻ. Pháp thể Vị lai chưa đắc là có. Tức thể tướng của sanh v.v... cũng phi có, làm sao được nói tướng sinh có dụng, ba tướng vô dụng.

Luận chép: Từ câu “Dù chấp nhận” cho đến “tướng hiện tại”: Là Kinh bộ nói dù có vị lai, để bất bẻ. Khi tướng sinh hữu dụng không được là vị lai. Khi tướng sinh đã dụng không được gọi là hiện tại. Tông ước của Hữu Bộ, tác dụng nói về ba đời.

Luận Chánh Lý chép: “Nghĩa là pháp hữu vi nếu có thể làm nhân dẫn nhiếp từ quả gọi là Tác dụng. Nếu có thể làm duyên nhiếp giúp Dị loại là nói công năng, như trước đã nói. Tất cả hiện tại đều có công năng làm nhân dẫn nhiếp tự quả. Chẳng phải các hiện tại đều có thể làm duyên nhiếp. Nói dị loại, nghĩa là trong bóng tối mắt có thể có công năng bị tổn hại, liền đối với nhãn thức không thể làm duyên nhiếp giúp khiến cho khởi lên. Nhưng tác dụng đó chẳng phải bóng tối làm tổn. Chắc chắn có thể làm nhân dẫn “đương nhãn”. Do tác dụng này mà công năng có khác. Nhưng đối với Đồng loại nối tiếp quả sinh có định bất định. Nhiếp dẫn thế lực, gọi là tác dụng, cũng gọi là công năng. Nếu đối với Dị loại nối tiếp quả sinh. Nhưng có thể làm duyên nhiếp giúp khiến cho khởi, đây chẳng phải tác dụng, chỉ là công năng.

Thuật rằng: “Theo Tỳ-bà-sa hỏi bốn đại sinh năm nhân, là nhân hay Duyên? Có thuyết nói là nhân, có thuyết nói là duyên. Theo ý của luận này, nhân là nhân duyên, duyên là tăng thượng. Nhân duyên chắc chắn có thủ quả. Tác dụng thủ quả chắc chắn ở hiện tại, xếp vào duyên Tăng thượng giúp cho dị loại. Trong đó có thủ quả, có phi thủ quả; Thủ quả tức là các pháp hữu vi trụ ở đời hiện tại, đối với quả tăng thượng đều có dụng thủ quả; Pháp vị lai và pháp sinh tướng công năng tuy là nhiếp giúp, nhưng chẳng phải thủ và y theo văn trên, dưới của Luận Chánh Lý. Tất cả thủ quả đều là hiện tại. Trong đây nói thủ đồng loại quả là y theo hiển thuyết. Tất cả pháp thể khi trụ ở hiện tại, chắc chắn có thể thủ quả nên không thể ngăn dứt. Nếu nhân, quả và duyên tăng thượng nhiếp, giúp các pháp, thì có ngăn dứt. Như do bóng tối ngăn che nhãn thức không nương căn. Lại tất cả hữu vi khác khi trụ ở hiện tại, đều có thể chấp lấy nhân quả gọi là tác dụng. Vô lực có thể ngăn không lấy quả. Tất cả pháp hữu vi khi trụ ở hiện tại đều Nhiếp giúp Dị loại,

thì không chắc chắn. Có pháp lực có thể ngăn dứt công năng kia không được khởi. Như mắt thức v.v... Đây là giải thích quả tự loại, tức nhân duyên sở thủ đều là tự loại.

44. Kinh bộ tông hỏi về ba tướng:

Luận chép: Từ câu “lại ba pháp như Trụ, v.v...” cho đến “Gọi là hoại diệt”: Là Kinh Bộ Tông vặn hỏi ba tướng có dụng cùng lúc.

Luận chép: Từ câu “Các thuyết trụ v.v...” cho đến “nghĩa Sát-na diệt”. Là Kinh bộ vặn hỏi.

Nếu dụng trước sau, các pháp sinh rồi trải qua. Trụ thời, Di thời, Diệt thời, ba thời đã khác, Nên ba Sát-na cực nhỏ gọi là Sát-na. Tức trái với giáo thuyết, nghĩa Sát-na diệt.

Luận chép: Từ câu “Nếu nói” cho đến “chẳng dị chẳng diệt”: Là Kinh bộ vặn hỏi, trụ lỗi tiên dụng. Trụ tượng Di, diệt, đồng thời mà sinh. Vì sao trụ tướng của hai dụng còn lại.

Luận chép: Từ câu “Nếu ở sức mạnh” cho đến “bị suy hoại chẳng? Là lại vặn hỏi”. Nếu sức trụ mạnh vì sao bị dị diệt, luôn cả pháp này đều bị suy hoại.

45. Ngăn dứt bất bẻ:

Luận chép: Từ câu “Nếu nói tướng trụ” cho đến “làm cho không còn tác dụng nữa”. Lại ngăn dứt bất bẻ. Nếu nói tướng trụ đồng tướng sinh không còn tác dụng thì lý cũng khác nhau pháp sinh không thể sinh lại. Tướng Sinh không tái sinh. Pháp trụ có thể khiến lại trụ, vì sao tướng trụ không khiến tái trụ?

Luận chép: Từ câu “Lại ai chướng trụ dụng” cho đến “Sao không trước dụng”. Lại ngăn dứt trụ này dụng tạm, có rồi lại không. Nếu Di, diệt làm ngăn che thì lực hợp mạnh trụ nên trước trụ dụng. Nếu năng lực yếu trụ ở hậu dụng thì không hợp khả năng che trụ.

Luận chép: Từ câu “Lại trụ dụng tức” cho đến “Lại không làm việc gì” là lại ngăn dứt bất bẻ. Nếu trụ không do có tướng tạm dùng tự dứt thì lẽ ra pháp tự nhiên hoại diệt, đâu dùng hai tướng Di diệt.

Luận chép: Từ câu “Lại lẽ ra một pháp” cho đến “lẽ ra không nên có” Lại dù chấp nhận có Diệt mà phá dị. Luận chép: Vì sao: Là Hữu bộ nêu, cho nên một pháp không chấp nhận có khác.

Luận chép: Từ câu “Dị là trước sau” cho đến “lập dị cuối cùng bất thành”. Kinh bộ nêu ra lý do, nếu trước một pháp nói dị bất thành vì vô sở dị. Nếu sau khác trước thì chẳng phải một pháp, cho nên một pháp lập dị bất thành.

Luận Chánh Lý chép: “Các Đối pháp là đối với dụng khác nhau

của tự thể các pháp, có đặc tên khác, chẳng phải chỉ tự thể, nghĩa là pháp hữu vi đối với tự thể, có thể dẫn tự quả. Tác dụng gọi là trụ, tức tác dụng này suy tổn gọi là Di. Trụ này và suy không cho tự có. Lẽ ra có pháp khác, khiến trụ, khiến suy. Vì hai thứ này tức tướng trụ tướng Di. Đối với Chánh Lý này sao không nhận ư? Lại chép: Chẳng phải vị chánh sinh vì có đặt tên di. Tác dụng bây giờ chưa suy tổn, tức do lý này mà đặt tên Trụ, Di. Đây có thể suy tổn dẫn dụng quả. Do pháp tác dụng bị suy tổn, thời mới dẫn tự quả. Vì sau khi nhân bị tổn thì quả sinh vị yếu kém, nhân trước. Nên quả kém yếu vì nhân có di. Quả này sát-na lại do câu khởi di tướng làm duyên khiến suy tổn. Lại có thể làm cho quả sau duyên kém yếu. Như thế tất cả hữu vi nối tiếp. Sát-na Sát-na khiến sau sau khác. Nên niệm trước trước có nghĩa di thành. Nghĩa này đã thành nên làm tỷ lượng này. Nghĩa là Kiến sau cùng có khác nhau. Các Sát-na trước chắc chắn có khác nhau. Như vậy nối tiếp dần dần thêm lớn, lẽ ra không có tướng khác. Không thấy quả nên không có lỗi này. Tướng trụ bấy giờ do duyên ngoài trợ giúp, thế lực tăng mạnh bề đẹp bỏ di.

46. Bác bỏ chánh lượng bộ:

Luận chép: Tuy bộ khác nói v.v... Trở xuống là bác bỏ chánh Lượng Bộ, Kia chấp Sắc pháp có hai duyên diệt.

- 1) Trong diệt tướng.
- 2) Ngoại diệt duyên.

Tâm pháp chỉ có trong diệt tướng, không đợi duyên bên ngoài. Sát-na liền diệt. Trước phá sắc, phá tâm pháp.

Luận chép: Từ câu “Tuy bộ khác nói” cho đến “Có diệt làm gì” Ban đầu phá sắc pháp đợi hai duyên diệt. Đã hiện thấy nghĩa do duyên lửa diệt, vì sao lại nói có nội diệt riêng. Uống thuốc, kết lỵ chẳng lẽ là do trời.

Luận chép: Từ câu “Lại tâm, tâm sở” cho đến “Không đúng Chánh Lý”: Kế là phá tâm, Sát-na diệt không đợi duyên bên ngoài. Trong một pháp đồng thời đã có hai tướng Trụ, diệt. Nên cùng lúc vừa Trụ vừa diệt, đồng thời trái nhau không đúng với Chánh Lý.

Luận chép: Từ câu “Cho nên nương vào nối tiếp” cho đến “Khéo thuận khế kinh: Là Sư Kinh bộ phá tông khác, đã kết tông mình thuận kinh hợp lý.

Luận chép: Từ câu “Nếu sinh ở vị lai” cho đến “sao không câu sinh”: Trở xuống nửa bài tụng thứ ba nói: Tướng sinh đợi nhân duyên hợp mới sinh ra pháp.

Luận chép: Cho đến “Chẳng phải đều đốn khởi”: Y theo văn xuôi

có hai:

Giải thích văn tụng, nói về Nghĩa của Hữu Bộ

Hỏi, đáp phân biệt: Đây là câu đầu.

47. Hỏi đáp phân biệt:

Luận chép: Từ câu “Nếu thế” cho đến “Nhân duyên lực khởi”:
Dưới đây là hỏi, đáp phân biệt. Đây là Sư Kinh Bộ hỏi.

Luận chép: Từ câu “Chẳng lẽ các hữu pháp” cho đến “Mà không thể biết”: Là Hữu Bộ đáp.

Trong đáp có ba:

1) Vì nhỏ nhiệm nên tuy có thật thể mà ông không biết.

2) Hỏi ngược lại: Nếu không sinh thể, làm sao có sinh giác.

3) Hỏi ngược lại. Nếu pháp ngoài vô sinh, làm sao có sáu chuyển thanh. Đây là ban đầu. Đâu được vì ông chỉ thấy nhân duyên không thấy tướng sinh. Tức nghĩa chỉ có nhân duyên không có tướng sinh, chẳng lẽ các hữu pháp đều là chỗ biết của ông.

Tướng sinh này tuy hiện có tự thể mà không thể biết, vì pháp tánh sâu kín khó biết.

Luận chép: Nếu Tướng Sinh không tương ứng với vô sinh giác: Là hỏi ngược lại. Tâm pháp gá vào cảnh không tự khởi được. Tướng sinh nếu không ứng với vô sinh giác.

Luận chép: Từ câu “Lại thức thứ sáu chuyển” cho đến “Sắc của sắc rắng”: Là hỏi ngược lại thức thứ sáu chuyển. Nếu sinh Dị sắc, thì có thể nói sanh của sắc v.v... thứ sáu chuyển thanh đã gọi là thuộc chủ, chẳng tức một pháp. Nếu đối với một pháp, có thì thuộc chủ, nên có thuyết nói Sắc của Sắc v.v...

Luận chép: Từ câu “Nếu trách vô sinh” cho đến “tùy theo sự thích ứng: Là giải thích theo ba tướng có tự thể riêng.

Luận chép: Từ câu “Nếu thế” cho đến “Có tánh riêng v.v...”. Dưới đây Kinh bộ hỏi ngược lại, giải thích trong đó có hai:

- Phá sinh giác.

- Phá thuộc chủ.

Đây là phần đầu, phần đầu có hai:

1) Y theo nội pháp không bác bỏ.

2) Đồng với ngoại đạo có bác bỏ.

Là thành không, vô ngã giác. Pháp ngoài lẽ ra có không. Vô ngã tánh. Đây là y theo nội pháp vô ngã, nghĩa là khi quán vô ngã thì quán, tất cả pháp đều không có ngã. Nên ở ngoại pháp, lập riêng không, vô ngã tánh. Nếu ở ngoại pháp, chẳng có không, vô ngã tánh làm sao có

được không, vô ngã giác, đã có không, vô ngã giác. Ngoài pháp chẳng có không, vô ngã tính. Chỉ có sinh giác, ngoài pháp không có tính sinh. Nói “Vì thành một, hai, cho đến có tánh đẳng biệt”. Đồng với ngoại đạo có bác bỏ. Đã có sinh giác, tức là ngoài pháp có tướng sinh riêng. Tức lẽ ra phải một, hai giác, Đại tiểu giác. Các biệt, hợp, ly. Kia đây có tánh Đẳng giác, lẽ ra như ngoại đạo chấp pháp bên ngoài có số lượng, khác nhau riêng, hợp, ly, kia đây, có tánh các biệt. Ngoại đạo chấp như trước đã nói.

48. Phá thức thứ sáu chuyển:

Luận chép: Từ câu “Lại vì thành lập” cho đến “Nói vì sao được thành: Là hỏi ngược lại thứ hai. Phá thức thứ sáu chuyển, lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu “Cho nên sinh v.v...” cho đến “không có vật thật riêng”: Là kết thành Kinh bộ tông.

Luận chép: Từ câu “Là biết rõ các hành” cho đến “Tùy ứng nên biết”: Kinh bộ giải thích kinh, ngoài là pháp không sinh riêng. Kinh nói “Thứ sáu chuyển thanh” Nghĩa sinh của Sắc. Trước là nói pháp, sau thí dụ để nói rõ, lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu “Nếu thực hành tướng ly sinh” cho đến vì sao bất sinh: là Hữu bộ bắt bẻ” Kinh Bộ.

Hữu vi, vô vi đều là tướng vô sinh, Hữu vi đã sinh, Vô vi làm sao bất sinh cho được.

49. Kinh bộ giải thích:

Luận chép: Từ câu “Các hành gọi là sinh” cho đến “đâu được nói là sinh”. Trở xuống là Kinh Bộ giải thích, trong đó có ba:

- 1) Vô vi không được gọi là sinh.
- 2) Dùng Hữu Bộ bác bỏ tất cả pháp đều có tướng sinh để làm ví dụ.
- 3) Dùng Hữu Bộ tất cả hữu vi đồng có tướng sinh. Nhân duyên hoặc có thể không có thể để so sánh. Đây là nghĩa câu đầu. Xưa không nay có nên được gọi là Sinh. Vô vi thể là thường, làm sao gọi là Sinh.

Luận chép: Từ câu “Lại như pháp nhĩ” cho đến đều có thể sinh: Đây là thứ hai. Như Hữu Bộ của ông chỉ có sinh tướng hữu vi. Pháp vô vi không có tướng sinh. Kinh Bộ Tông cũng vậy, Hữu vi có thể sinh, vô vi không thể sinh.

Luận chép: Từ câu lại như “Hữu vi” cho đến “Một dụng vô sinh”: Là giải thích thứ ba. Như tất cả Hữu vi của Hữu Bộ đều có tướng sinh. Mà chấp nhận nhân duyên vọng pháp hữu vi, ở một có dụng, một không

có dụng, tức như mắt căn đối với sinh nhãn thức có dụng, đối với Sinh nhĩ thức không có dụng. Kinh bộ Hữu vi, vô vi đồng với tướng vô sinh. Nhưng nhân duyên kia đối với hữu vi có dụng, vô vi không có công dụng, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

50. Nói về danh cú văn thân:

Luận chép: Từ câu “đã nói như thế” cho đến “nghĩa ấy thế nào v.v...” trở xuống thứ bảy có nửa bài tụng nói về danh, cú, văn, thân.

Luận chép: Cho đến “cú thân, văn thân”: Là giải thích: bài tụng v.v...

Luận chép: Từ câu “Nên biết trong đây” cho đến “Một là chữ y, ... Là giải thích dị danh” “Danh” là khởi tướng, do đối với sắc v.v... đặt tên là sắc v.v... Khiến đối với sắc v.v... khởi tướng sắc v.v... Gọi là Nhân tướng, gọi là Tác tướng. Đây là nhân lấy quả gọi là thuyết danh, gọi là tướng. Luận không nói tướng nghĩa là đặt tên. Không thể giải thích câu “Từ nhân thọ xứng”, “Nhân thủ quả danh” tức là tên khác của danh, cũng không thể giải thích riêng, hoặc gọi là Dị mục, cũng có thể gọi là như tướng. Giải thích rõ tướng trạng của pháp. Nghĩa đồng với tướng nên gọi là Tướng. Tiếng Phạm là: Na (đọc khư thanh) Ma, Hán dịch Danh, nghĩa là quy, nghĩa là phó, nghĩa là tùy, nghĩa là thú. Nghĩa là Tùy, âm thanh, quy, phó ở pháp thú, tự tướng đó. Trong có Dị tướng nêu lên gọi là chuyên nhất, tức nghĩa của quy. Do đó kêu gọi có thể dẫn tự thể. Tiếng Phạm là Tăng-nhã Hán dịch là Tướng, là có công năng chấp lấy hình ảnh, hoặc nghĩa là lập chung kế ước tiếng Phạm là Bát-đà, Hán dịch là Tích. Như thân con voi có bốn chân, lại như một bài tụng có bốn câu. Nay theo nghĩa dịch tên thành câu. Tiếng Phạm là Phược-ca, Hán dịch là Chương, là giải thích nghĩa cuối cùng, như nói chương các hành vô thường, v.v... nói thẳng các hành là danh, chẳng phải cú, nói thẳng nghĩa các hành chưa rõ ráo, lại nói vô thường mới thành rõ ráo. Cho nên nghĩa danh thuyên rõ ráo gọi là Chương. Như lập chương uẩn để giải thích uẩn rõ ráo, nếu thế thì vì sao chương, cú của ngoại điển có nghĩa khác? Đáp: Giải thích nghĩa rõ ráo gọi là chương. Trong giải thích nghĩa có rộng có hẹp. Rất hẹp gọi là câu. Rộng gọi là chương, tức ở trong chương, có chia thành hai nghĩa:

1) Cú nghĩa.

2) Chương nghĩa.

Tức câu đồng với chương, nên gọi là chương.

Hoặc khi công năng phân biệt đức của nghiệp dụng, tương ứng khác nhau. Như nói Thiện có công năng chiêu cảm quả ái, đạo có công

năng cất vật. Đây là nghiệp dụng “Vãng lạng là vui” là đức. “Ba vô số kiếp” là thời. Tương ứng nghĩa là giải thích, các pháp thuận theo nhau. Khác nhau gọi là thuyên, nghĩa các pháp khác nhau. Hoặc khác nhau là nghĩa đức. Tức là đối với Tự tánh gọi là khác nhau. Như nói các hành là tự tánh, Vô thường là khác nhau. Luận đối pháp chép: Danh giải thích, tự tánh, Cú giải thích khác nhau. Nghĩa của nó đồng.

51. Giải thích danh từ:

Phiên âm “Tiện-Thiện-na”, Hán dịch là Văn, có công năng nói lên nghĩa, phương Tây gọi tương, tạc, muối gọi là Tiện-thiện-na, muối là Tiện-thiện-na, xưa dịch vị là sai. Vì văn hiển rõ nên làm chỗ nương cho danh cú. Nên Đối pháp chép: Hai chỗ sở y là văn. Như lụa, gấm, văn do khởi ở tơ, hiển dị ở chỗ khác. Tức y theo đây hiển rõ. Đây hiển rõ, đặt trên vải làm rỗng, phụng, để làm hang gấm. Căn bản đều y theo văn, tơ hiển thành. Tơ như âm thanh, văn như chữ của nó. Rỗng, phụng như tên, “Câu” như hang, các chữ nhất, y hiển rõ trên thanh, tức dùng đây hiển rõ công năng tự tánh của mắt. Lại sinh danh mục riêng ý nghĩa khác nhau, riêng lại sinh “cú”. Danh, cú đây đều y theo văn.

Luận chép: Từ câu chẳng lẽ không có chữ này cho đến cũng ghi phần danh: Đây là hỏi, đáp phân biệt. Chẳng lẽ không có chữ này tức là sắc cong queo trên giấy gọi là Tự? Là hỏi.

Đáp rằng: Chẳng phải hiển là viết chữ phần Sắc, chế tạo các chữ không tương ứng. Chỉ là hiển rõ chữ không tương ứng, chế tạo sắc viết chữ. Y theo chữ sắc này ghi nhớ chữ bất tương ứng. Và đem sắc chữ truyền lưu ở phương khác và ở đời sau, cho nên không tương ứng các chữ chẳng phải mục viết chữ.

52. Thế nào là đẳng thân:

Luận chép: Từ câu “Thế nào gọi là đẳng thân” cho đến “ca-khư-già”: Là giải thích gọi là Đẳng thân, vì sao là Đẳng thân? Là hỏi.

Tiếng Phạm là Ca-na, Hán dịch là Thân. Nghĩa là tương, v.v... là nói chung trở xuống là đáp.

Tiếng Phạm Tam-mộc-ngột-để, Hán dịch nói chung, nói chung giải thích nghĩa thân, tức là hai, ba tên gọi chung là Thân.

Tiếng Phạm là Tam-ma-bà-duệ, Hán dịch tập hợp. “Nói chung” tức là nhóm hợp. Hai, ba tên gọi là nghĩa nhóm tập, đối với nghĩa tập hợp, nói Ốt-già giới. Do đặt trong nghĩa tập hợp Ốt-già tự giới. Chữ sau duyên giúp thành nghĩa nói chung, tức dùng chữ nói chung giải thích thân. Hai danh là thân. Ba danh trở lên là nhiều thân. Trong đây danh thân cho đến văn thân nghĩa là Ca-khư-già đều đến ba số: Là giải

thích.

- 1) Không gọi là thân.
- 2) Chỉ gọi là thân.
- 3) Danh trở lên đều là Đa danh thân.

Cho đến nhiều thân không dưới ba; Bốn, năm trở lên đều là nhiều.

Không cần cho đến bốn, năm: Trong văn giải thích ở trước, tức lấy trong mười hai âm: ai, a, nhất, y để giải thích. Nay giải thích trong thân tức dùng thể chữ Ca-khư-già giải thích. Muốn hiểu rõ hai thứ này đều được là văn, cho nên nương dựa lẫn nhau mà nói.

Luận chép: Từ câu “Chẳng lẽ không phải ba thứ này” cho đến “tâm bất tương ưng hành” v.v... Trở xuống là hỏi, đáp phân biệt đây là Kinh bộ hỏi.

53. Hỏi đáp phân biệt:

Luận chép: Từ câu “Ba thứ này chẳng dùng” cho đến “là hợp với liễu nghĩa: Là Hữu Bộ đáp. Luận chép: Làm sao khiến cho hiểu rõ: Là Kinh bộ chép. Luận cho rằng ngữ phát ra danh cho đến có công năng khiến cho hiểu rõ: Là Hữu bộ đáp. Luận Chánh Lý” nói: Trong đây Kinh nó chủ nói như thế, chẳng lẽ không phải ba ngữ này là tánh nên xếp thanh vào thể sắc tự tánh. Thế nào mới nói là tâm Bất Tương ưng hành. Đây là trách phi lý, vì sao? Do giáo và lý mà biết “có riêng” giáo nghĩa là kinh nói rằng: Lực, văn lực. Nếu văn tức là từ ngữ thì nói riêng làm gì. Lại nói nên giữ gìn văn cú chánh pháp. Lại nói y nghĩa không y văn, Lại nói kệ nhân đó bảo với xiển-đà văn tự, “Xiển đà” cho rằng tạo tụng phần lượng ngữ làm thể. Lại Khế kinh nói: Biết pháp, biết nghĩa, Pháp gọi là danh v.v... Nghĩa là sở thuyên. Lại Khế kinh nói: Văn nghĩa khéo léo. Lại nói nên dùng văn cú khéo léo, đọc tụng chánh pháp. Ác thuyết văn cú đọc, tụng chánh pháp, thì nghĩa bị khó hiểu. Lại nói Như Lai, giữ được danh cú, văn thân ít có. Lại nói: Văn cú thẳng giải kia rất là ít có. Do các giáo này, chứng biết có các nghĩa năng thuyên riêng: Danh, cú, văn thân. Văn thêm ngữ thanh, thật chẳng phải giả. Lý nghĩa là hiện thấy có khi được thanh mà không được chữ, có khi được chữ mà không được Thánh, nên biết thể khác nhau. Có khi được thanh không được chữ, nghĩa tuy nghe tiếng mà không rõ nghĩa. Hiện thấy có người nghe lời nói của người khác mà trở lại xét hỏi ông nói gì. Đây là nghe ngữ thanh không rõ nghĩa, đều do chưa hiểu được văn phát ra, sao lại chấp văn không khác thanh. “Có khi được chữ không được thanh”. Nghĩa là không nghe tiếng mà được hiểu nghĩa. Bấy giờ

nhìn thấy có môi động, biết người đó nói. Đây không phải nghe thanh được biểu nghĩa. Đều do hiểu được văn đã phát ra. Do lý này chứng được văn phải là thanh khác. Lại thấy thế gian ẩn thanh tụng chú. Nên biết chữ chú khác âm thanh của chú. Lại thấy thế gian có hai Luận giả, nói âm tương tự: Một là thua, hai là thắng. Do thắng thua này phải có thanh khác. Lại pháp và từ hai cảnh giới vô ngại từ và pháp riêng có chữ tri lia thanh. Cho nên Thanh là nói tương âm không khác nhau. Trong đó, khuất khúc phải y theo ca, già, hết, đa, ba v.v... Phải do ngữ thanh phát khởi các chữ, các chữ trước sau hòa hợp sinh ra Danh, danh này đã sinh thì có thể hiển nghĩa. Do đó xoay vần mà làm. Đây là ngôn ngữ có thể phát danh, danh có thể hiển nghĩa nên danh, thanh khác với lý cực thành. Nên biết trong đây thanh là năng thuyết. Văn là sở thuyết, nghĩa nói chẳng phải hai. Như thế thì không kiến lập rối loạn.

54. Kinh bộ nêu nghĩa của tông mình:

Luận chép: Từ câu “Chẳng phải chỉ có âm thanh” cho đến “Mới gọi là ngữ”. Đây là Kinh bộ nêu nghĩa của tông mình.

Luận chép: Âm thanh nào khiến nghĩa có thể rõ. Là Hữu Bộ hỏi Kinh bộ. Như điều mà tôi giải thích, âm thanh có danh mới có công năng hiểu rõ nghĩa, ông nói tức âm thanh hiểu rõ nghĩa, vậy âm thanh nào khiến cho hiểu rõ nghĩa?

Luận chép: Từ câu “Nghĩa là năng thuyết” cho đến “Người trí lập cù thanh.” Là Kinh bộ giải thích. Trong một cù thanh giải thích chín việc. Do cộng định lượng, nên có thể rõ các nghĩa.

Luận chép: Các hữu chấp danh cho đến năng thuyết định lượng: Y theo âm thanh lập chung định lượng, tên gọi cũng như thế.

Luận chép: Từ câu “Nếu nghĩa câu này” cho đến “Có tên thật riêng”. Dưới đây Sư Kinh Bộ bắt bẻ có tên riêng. Nhưng do mượn âm thanh hiển dụng đã nói, vì sao chấp có lia thanh thật danh?

Luận chép: Từ câu “Lại chưa rõ danh này” cho đến “Vì do ngữ sinh”: Là Kinh Bộ định Hữu Bộ Tông, hai môn câu hỏi tiến lui.

Luận chép: Từ câu “Nếu do ngữ sinh” cho đến “đâu đợi tên khác”: Là bắt bẻ ngữ sinh danh.

Luận chép: Từ câu “Nếu do ngữ hiển” cho đến “đâu đợi tên khác”: Là bắt bẻ hỏi thanh hiển bày danh.

55. Bắt bẻ lý vô sinh:

Luận chép: Từ câu “Các niệm thanh” cho đến “có thể do ngữ phát” là bắt bẻ lý vô sinh, một niệm thanh chưa thể giải thích. Thanh của nhiều niệm mới có thể kêu gọi, cho nên biết thanh của nhiều niệm

mới có danh. Niệm thanh sát-na trước sau đã diệt không thể nhóm họp. Lại không thể nói. Danh một chữ từng phần tạm sinh tiến lùi nói về nạn không có lý sinh, làm sao có thể nói do ngữ phát ư?

Luận chép: Từ câu “Vì sao đợi,” cho đến “năng sinh vô biểu”. Là Hữu Bộ hỏi ngược lại Kinh bộ thành nghĩa của mình. Do nhiều niệm biểu sắc, từng niệm tạm sinh vào quá khứ. Cuối cùng Biểu sát-na vô biểu mới sinh. Thanh sinh ở danh nghĩa cũng y theo đây.

Luận chép: “Nếu thế” cho đến “lẽ ra có thể rõ nghĩa”: Là Kinh bộ hỏi. Chỉ thanh cuối cùng có thể sinh danh là: Chỉ nghe thanh cuối cùng, cũng hiểu được nghĩa, đâu cần đợi thanh của niệm trước.

56. Hỏi về dị thực:

Luận chép: Từ câu “Nếu chấp như thế” cho đến “không thể nhóm họp”. Là vấn hỏi về dị thực. Nếu nói sinh văn, văn lại sinh danh, cũng đồng với nạn trước. Văn niệm trước sau không thể tập hợp.

Luận chép: Ngữ nói lỗi của danh lẽ ra so sánh với sinh, trước bắt bẻ ngữ sinh danh, lại y theo bắt bẻ ngữ hiển danh. Sinh nghĩa là danh do thanh sinh. Hiển nghĩa là danh trước có tự thể chỉ do ngữ hiển. Trên đây là phá Hữu Bộ lia ngữ có danh, dưới đây là phá lìa ngữ có văn.

Luận chép: Từ câu “Lại dị ngữ văn” cho đến “Khéo nói tương ấy” “Các minh tuệ” là hiện lượng biết vô.

Luận chép: Từ câu “Lại văn do ngữ” cho đến “Đều không đúng lý”. Hoặc sinh hoặc hiển, cả hai đều bác bỏ. Y theo lỗi ngữ đối với danh sinh hiển lỗi. Luận Chánh Lý chép: Nạn này trái hại tự chỗ lãnh thọ Tông. Tông đó nói đến đi đều không có tự thể, thanh trước sau niệm không thể đón sinh làm sao thành văn, thành danh, thành cú. Nếu niệm trước ở trước chuyển chuyển giúp cho sát-na cuối cùng thành văn, danh, cú, chỉ nghe cuối cùng lẽ ra rõ nghĩa thành. Lại không giúp nhau đến đi vô cơ, đã hằng một niệm, làm sao giúp nhau, trước sau tương tự. sau như niệm ban đầu nên không năng thuyên. Nghe sau như ban đầu, lẽ ra là bất liễu nghĩa. Nên sở chấp kia trước sau giúp nhau thành thì lý năng thuyên không thành lập. Tông ta ba đời đều có chẳng phải vô. Nên sau đợi trước có thể sinh danh v.v... Tuy niệm cuối cùng danh v.v... mới sinh. Nhưng chỉ nghe kia không thể rõ nghĩa. Do không nghe đầy đủ, như trước cùng lập kế ước như danh... Có thể phát ra thanh. Nhưng nghe một thanh cũng có hiểu rõ, do thói quen, theo sự so sánh khác. Nên Kinh chủ nói bắt bẻ kia chẳng phải đây.

57. Phá chấp khác:

Luận chép: Từ câu “Lại nếu có chấp” cho đến mà lẽ ra không

chấp nhận: Là phá chấp khác. Nếu danh và nghĩa sở thuyên cùng lúc sinh khởi. Do như tướng sinh cùng nghĩa câu sinh, thì có ba lỗi:

Danh ở hiện tại, nghĩa ở quá khứ vị lai.

Tử danh và tử câu sinh, cha mẹ không hợp tùy ý đặt tên.

Vô vi vô sinh lẽ ra không có danh.

Luận chép: Từ câu “Nhưng Thế tôn nói” cho đến “Sắp bày khác nhau” Giải thích Hữu Bộ bắt bẻ . Bắt bẻ rằng: “Nếu cho là lia thanh không có tên riêng” Vì sao kinh nói tụng nương vào danh?

Đáp rằng: Tức thanh an bày giả gọi là danh.

Luận chép: Từ câu “Chấp có vật thật” cho đến “và tâm thứ lớp”: Điều chẳng phải Hữu Bộ lập riêng thật danh. Như Thọ đẳng hành, lia thọ vô hành, tâm định thứ lớp, lia tâm vô thể. Danh cũng như thế, lia thanh vô thể.

Luận chép: Từ câu “Hoặc chỉ nên chấp” cho đến “liên thành vô dụng”: Kinh Bộ dùng văn bắt bẻ Hữu danh.

Luận chép: Từ câu “Sư Tỳ-bà-sa” cho đến “Sở năng biểu”.

58. Nói về danh, danh thân và đa danh thân:

Đây là mê Hữu Bộ Tông. Luận Chánh Lý chép: Tỳ-bà-sa nói ba danh, cú, văn, mỗi thứ đều có ba thứ, gọi là ba chủng, nghĩa là Danh, danh thân và Đa danh thân; Cú, văn cũng như vậy. Danh có nhiều vị nghĩa là một chữ Sinh, hoặc hai chữ Sinh, hoặc nhiều chữ Sinh. Một chữ sinh là nói một chữ, thời chỉ có thể có danh. Nói hai chữ thì gọi là Danh thân, hoặc nói rằng; nói ba chữ là nói Đa danh thân. Hoặc nói thế này, nói bốn chữ. Thời mới nói Đa danh thân. Hai chữ sinh là nói hai chữ, thì chỉ có thể nói có danh. Nói bốn chữ thì là danh thân, hoặc nói như thế này: Nói sáu chữ tức là nói: Đa danh thân, hoặc nói thế này, nói tám chữ. Thì mới nói Đa danh thân. Chữ Đa sinh trong ba chữ sinh là. Nói ba chữ thì chỉ có thể có danh, nói sáu chữ tức nghĩa là danh thân. Hoặc nói thế này, nói chín chữ là nói Đa danh thân, hoặc nói thế này. Nói mười hai chữ mới nói là đa danh thân, đây là cửa nên nhiều chữ sinh khác gọi là Thân, Đa danh thân đúng như lý nên nói. Câu cũng nhiều vị. Nghĩa là ở xử trung, câu đầu, câu sau. Câu ngắn, câu dài. Hoặc tám chữ sinh gọi là “cú xử trung”, không dài không ngắn, nói xử trung có ba mươi hai chữ sinh, ở bốn trường hợp. Như vậy bốn câu thành thất-lộ-ca. Kinh Luận, văn chương phần nhiều y theo số này. Nếu sáu trở lên gọi là câu đầu. Hai mươi sáu chữ trở lên sinh gọi là câu sau. Nếu sáu chữ Sinh gọi là câu ngắn. Quá hai mươi sáu chữ sinh gọi là câu dài. Vả lại y theo câu xử trung nói có ba thứ. Nói tám chữ thì chỉ có cú. Nói mười sáu

chữ thì tức là cú thân. Hoặc nói như vậy khi nói hai mươi bốn chữ thì gọi là Đa cú thân. Hoặc nói như thế này. Khi nói ba mươi hai chữ mới gọi là Đa cú thân. Văn tức chữ nên chỉ có một vị, khi nói một chữ thì chỉ có thể có văn khi nói hai chữ thì gọi là văn thân, hoặc nói thế này, khi nói ba chữ thì gọi là Đa văn thân, hoặc nói thế này, nói bốn chữ, thì nói là Đa văn thân. Vì do lý này nên kinh nói như thế, khi nói một chữ thì có danh, không danh thân, không có Đa danh thân vô cú. Vô cú thân. Vô đa thân, có văn. Vô văn thân, vô đa văn thân khi nói hai chữ thì có danh, có danh thân. Không có Đa danh thân. Không có ba thứ như cú... có văn, có văn thân, không đa văn thân, khi nói bốn chữ thì có ba thứ như danh... không có ba thứ như cú v.v... Có ba thứ như văn v.v... khi nói tám chữ thì có ba thứ như danh v.v... có cú, vô cú thân. Không Đa cú thân có ba thứ như văn v.v... khi nói mười sáu chữ thì. Có ba thứ như danh... có cú, có cú thân, không có Đa cú thân, có ba thứ như văn, v.v... khi nói ba mươi hai chữ thì có Danh, cú văn đều có ba thứ. Do đó là môn khác như lý nói, y theo văn luận trên, nhiều niệm thanh sinh, một văn, niệm thanh trước không có văn, một văn sinh, một danh và một tự cú: Tức một niệm thanh ba pháp đồng khởi, nghĩa là văn, danh, cú. Hoặc hai chữ danh đã bỏ ở văn niệm trước chưa có danh, cú v.v... cho đến chữ sau thành danh, cú. Vị mới có danh, cú. Nhiều văn sinh, một danh, nhiều danh thành một câu: Chẳng phải mỗi niệm thanh đều có văn, mỗi văn đều có danh, mỗi danh đều có cú. Nhưng có một chữ sinh danh, dung có một tự một danh, một câu đều không có một tự câu. Câu phải có hai chữ, hai chữ đó trở lên sinh danh là đều ở chữ thứ hai. Mới có hai chữ danh sinh, như hai chữ cho đến nhiều chữ sinh danh là ở chữ trước, tức đặc sinh giải. Do nghe đây là thói quen ở giải nghĩa trước. Chẳng phải nói trong vị trước, có hai chữ danh v.v... ở trước đã sinh, như nói các Hành, hai chữ danh, trong đó có hai:

- 1) Tên hai, một chữ.
- 2) Tên một, hai chữ.

59. Nói về danh cú:

Ngoài ra thí dụ y theo đây. Cho nên như thế như nói tên hai chữ, một người nghe “các”, một người nghe “hành”, đều sinh một cách kiêu khác nhau. Nếu nghe một gồm hai thì đó là thói quen. Nếu giải thích như vậy. Khéo thuận theo gọi đó là ít nhất, nghĩa là một chữ. Còn nếu nói câu “các hành vô thường”, “các hành” là tự tánh. “Vô thường” là khác nhau. “Danh” giải thích tự tánh. “Cú” giải thích khác nhau. Hai chữ “Vô thường” lý hợp với “hữu danh? Nếu là khác nhau thì “vô

danh” khởi. “Như thật nói” Nếu là Tự tánh, hoặc là khác nhau. Thấy đều là Hữu danh. Như người nói câu các hành vô thường. Có người chỉ nghe chữ “Vô”, hoặc chỉ nghe chữ “Thường”. Hoặc nghe hai chữ “Vô thường”. Hoặc nghe đủ bốn chữ. Nếu chỉ nghe chữ Vô, nghĩa là chỉ nghe nói “Vô”. Nếu chỉ nghe chữ “thường” nghĩa là chỉ nói “thường”, nếu nghe cả hai chữ thì nói là “vô thường”. Nhưng vô thường này chưa thuộc pháp nào, cho nên biết trên đây nghe đều không giải thích câu, Nếu có nghe nói “các hành vô thường” Đây mới rõ câu. Biết vô thường này các hành khác nhau, lấy đây y theo mà biết, bên bốn chữ các hành vô thường, mỗi chữ đều có một chữ danh. Trong đó nếu đến hai chữ, cũng có hai chữ danh. Đến chữ thứ ba, có một chữ danh và ba chữ cú. Như có khi chỉ nghe ba chữ: Các hành vô, đây là nói: “Các hành vô”. Các hành là tự tánh, vô vi khác nhau “đến “chữ thứ tư. Có một chữ danh và hai chữ danh, ba danh và bốn chữ cú. Trong đó thêm bớt như lý nên suy nghĩ mà biết. Lại giải thích chỗ dùng bốn chữ danh v.v... có một chữ danh, phát ngữ xa gia hành tâm nhiều duyên này. Như nói hai chữ các hành. Thì phải trước duyên giải thích các, giải thích “hành, mỗi chữ đều có tên riêng. Mới có thể hợp thành hai chữ danh.

60. Danh cú vẫn đều có ba thứ:

Luận Chánh Lý, Tỳ Ba Sa nói Danh, cú, vẫn đều có ba thứ:

- 1) Danh.
- 2) Danh thân.
- 3) Đa danh thân.

Cú, vẫn cũng như vậy, Danh có nhiều vị, có một chữ sinh, có hai chữ sinh, có nhiều chữ sinh. Tỳ-bà-sa nói danh có sáu vị, có một chữ, hai chữ, bốn chữ, tám chữ, mười sáu chữ, ba mươi hai chữ. Theo luận này, y theo một bài tụng vị tương bội và cực, nói như thế. Nhưng thật ra là ba chữ “luận phi vô”, năm chữ, bảy chữ, chín chữ sinh danh. Trên dẫn Luận rằng: “Một chữ Sinh danh, hai chữ sinh danh; Nhiều chữ sinh danh, nhiều chữ sinh danh. Hoặc ba chữ trở lên sinh danh đều tên nhiều chữ, dùng ngữ pháp phương Tây nói hai danh thân có nghĩa nhóm nhóm. Nói ba trở lên đều gọi là nhiều, hoặc nói bốn chữ trở lên là “đa tự sinh” gấp đôi hai chữ. Một chữ sinh danh, khi nói một chữ, thì chỉ gọi là danh, khi nói hai chữ thì có danh thân. Đa danh thân có hai giải thích: Hoặc nói thế này: Khi nói ba chữ, tức là nói Đa danh thân. Hoặc nói thế này, khi nói bốn chữ thì tức là Đa danh thân. Có người hỏi: trong Đa danh thân có hai trường hợp nói ba chữ thì gọi là Đa danh thân, nói bốn chữ thì gọi là Đa danh thân. Nghĩa ấy thế nào? Giải ba chữ sinh gọi là

Danh, đa danh thân, chữ thứ nhất, thứ hai là một thân, chữ thứ nhất thứ ba lại là một thân. Theo thanh nói pháp. Nói ba trở đi mới nói là nhiều. Nếu bốn chữ sinh gọi là Thân, lại giải thích chỉ đứng về “Đa thân” nên gọi “Đa danh thân”, không y theo theo đa thân. Lại giải thích trên thân thêm thân gọi là đa danh thân. Y theo ba giải thích trên tự tương trái nhau, nhưng nói chung mà thôi, không thể đúng sai, vì sao y theo luận đã nói, chỉ nói ba nghĩa: Danh, cú, văn, nghĩa là một, hai, nhiều.

1) Vì danh một, nên không thành thân.

2) Vì danh hai, nên thành thân.

3) Cũng phải lấy danh nhiều, nên gọi là Đa danh thân, vì sao nói vị một, hai tức gọi đó là một, hai.

Thứ ba, Đa vị vì sao số đó tức nói là Thân, nếu ở trong đây vì thân nhiều nên gọi là Đa danh thân. Tức là thứ ba đối với thân số đó, trong đó cũng hợp thành thân và thân thân. Y theo giải thích thứ hai, bốn chữ sinh nhiều gần gũi, đối nhau, lẽ ra gọi là thân thân. Còn tự dẫn thanh minh nói ba trở lên mới được gọi nhiều, vì sao lại nói trên thân thêm thân gọi là Đa thân. Như vậy ba chữ sinh là thứ lớp hợp nhau cũng có hai thân, là trên thân thêm thân. Nên cũng được gọi là Đa danh thân. Tuy một giải chỉ đứng về danh nhiều nên gọi là Đa danh thân, đã không được lý do. Tức là như trùng ăn gỗ. Trong đây đã nói một, hai nhiều cả ba đều y theo danh. Không y theo thân mà nói. Tỳ-bà-sa lại có văn nói. Nên xem xét lại. Lại văn nhắc lại rằng: Ba chữ sinh danh gọi là Đa thân là sai, ba chữ sinh danh là chỉ có tên một, ba chữ.

61. Trong đây có hai thuyết khác nhau.

Y theo thành nhiều tức gọi là Đa thân, nghĩa là ba trở lên.

Y theo vị gấp bội, nghĩa là bốn danh trở lên gấp đôi ở trước. gồm y theo hai giải thích. Nghĩa đều không trái. Nên luận nêu cả hai. Nhưng chỉ có Tự, danh, cú, thể, mà không có dụng thể. Tự, Danh, Cú, năm đường, các phương, ngu tri khác nhau. Chỉ có thể nói đều phát ra văn. Y văn có danh, y danh có cú, đều có thể nói tự tánh khác nhau. Điều khiến hiển bày tự tánh khác nhau. Nên tụng đó chỉ là văn thì có thể làm. Chỉ là an bày văn đó cho đến danh, Cú. Không vật khác.

Hỏi: Như nói một danh, một chữ. Đối với các phương danh đều sinh hiểu khác nhau, là có đa danh, là có một danh, là có một chữ, là có nhiều chữ.

Đáp: Chữ chỉ là một, các nơi dùng chung lại không khác nhau. Danh thì khác nhau. Nếu là phương ngữ này chỉ có phương danh này. Không các phương danh chỗ dùng biết. Nhưng nếu không như vậy, thì

nên chỉ nói một chữ sinh, tên lẽ ra có nhiều tên.

Luận chép: Đã không nói nhiều danh, nên biết chỉ có một danh, lại phải phát ngữ phương tiện xa tâm chỉ duyên một phương danh.

Hỏi: Nếu vậy vì sao sinh ra nhiều giải thích.

Đáp: Như tiếng tơ trúc cũng sinh danh giải tương tự mà chẳng phải thật.

62. Nghĩa môn phân biệt:

Luận chép: Từ câu “Đây gọi là thân v.v...” cho đến “Đây đều nên nói”. Trở xuống nửa bài tụng là nghĩa môn phân biệt thứ hai.

Luận chép: Cho đến “Nhưng không thể nói”: là môn giới địa thứ nhất. Trong đó có hai:

- 1) Chỉ có cõi Dục, cõi Sắc.
- 2) Có cả cõi Vô Sắc.

Nhưng không thể nói, trong hai thuyết, thuyết trước là đúng, y theo thuyết trước có hai thuyết.

Một là nói chỉ tùy ngữ hệ, nghĩa là chỉ có hai địa, là cõi Dục và Sơ định, hai là nói tùy thân hệ, nghĩa là có cả năm địa, đó là cõi Dục và Tứ thiên, Tỳ-bà-sa bản dịch cũ có bốn thuyết hai lớp bình văn. Ban đầu có hai thuyết:

- 1) Tùy ngữ.
 - 2) Tùy thân.
- Bình lấy tùy ngữ, hai thuyết sau:

- 1) Nói cõi Dục, cõi Sắc.
- 2) Nói có cõi Vô Sắc.

Bình lấy tùy ngữ, Pháp sư Thâm nói: một luận không thể có hai phê bình. Tùy ngữ hệ đó là hậu bình. Chỉ nói không phê bình cõi Vô Sắc có danh, chẳng phải cõi Dục bình tùy thân hệ. Pháp sư đối với giải thích này rất có lý thú. Y theo các giải thích của Luận Chánh Lý chép: Danh, cú, văn, thân, đều y theo thanh có văn. Y theo văn có danh. Lại luận này nói thanh hữu tình danh nghĩa là ngữ biểu nghiệp, cho nên biết các thanh khác không có danh. Chỗ y theo ngữ nghiệp đã chỉ có hai địa, làm sao có thể y theo danh có cả năm địa. Nếu nói các luận như Chánh Lý v.v... nêu cả hai nên có cả hai, cũng không đúng lý. Luận này cũng nêu tên cõi Vô Sắc, mà không nói đúng sai, đâu cũng gồm lấy, nên biết danh tùy ngữ hệ nghĩa chắc chắn.

Hỏi: Nếu vậy vì sao chỉ có pháp vô ngại giải có cả năm địa đó, mà không có văn luận nói chỉ có hai chữ.

Đáp: Y theo luận nói trong danh hệ địa đã nêu hai thuyết. Trong

pháp vô ngại giải hệ địa thì chỉ nói có cả năm địa. Nên biết pháp vô ngại y theo thuyết năng duyên. Nếu tùy ngữ, tùy thân, đều có cả năm địa tâm năng duyên. Do đó không có văn trình bày hai thuyết. Pháp vô ngại giải là hiểu rõ pháp tuệ. Vì sao khiến cho cùng chỗ giải danh. Chắc chắn là đồng địa. Từ vô ngại giải là nó có thể thực hành các phương ngữ. Tuệ. Do đó chỉ có ở phát ngữ địa, không có ở địa khác, nghĩa là tự làm Hỏi, đáp rằng:

Hỏi: Phát ngữ có cả quả tâm, không duyên ba cõi, làm sao danh.. có thể giải rõ ba cõi. Giải thích rằng: Tuy phát ngữ có cả quả tâm, không duyên ba cõi. Nhưng thông quả gia hạnh xa, có thể phát tâm năng duyên ba cõi. Chỗ phát gọi là Năng giải thích ba cõi rõ ràng Hỏi đáp này chưa đạt được tất cả phát ngữ tâm. Tất cả tâm là nhân gần đấng khởi phát nghiệp, đều duyên sắc thanh làm cảnh, vì sao chỉ hỏi tâm Thông quả. Trong gia hạnh có duyên theo danh đó, không chắc chắn duyên theo nghĩa sở thuyết. Như nhiều người không không biết ngọc báu Ma-ni, chẳng lẽ không được có tên ngọc báu này hay sao?

63. Phân biệt tình và phi tình:

Luận chép: Từ câu “Lại danh thân v.v...” cho đến “chẳng phải nghĩa sở hiển”. Thứ hai phân biệt Tình và phi tình. Luận Tỳ-bà-sa quyển 15 chép: Hỏi: Ai thành tựu danh v.v... là năng thuyết hay sở thuyết? Nếu vậy thì có lỗi gì. Nếu năng thuyết thì La-hán lẽ ra thành pháp nhiệm ô. Vì La-hán cũng nói pháp nhiệm ô, nếu đã nói thì việc ngoài. Vô vi lẽ ra cũng thành tựu danh, vì kia cũng là pháp sở thuyết .

Đáp: chỉ có người năng thuyết là thành tựu danh, v.v...

Hỏi: Nếu vậy, câu hỏi sau khéo hiểu. Câu hỏi trước làm sao hiểu.

Đáp: A-la-hán v.v... tuy thành tựu các tên nhiệm ô v.v... nhưng không thành tựu các pháp nhiệm ô. Vì các tên nhiệm ô đều là pháp vô phú vô ký quyển mười lăm lại chép. Hỏi: Danh, v.v... là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Vô ký chẳng tạo nghiệp nên suy nghĩ khởi. Như bốn đại chủng, như trên là văn luận. Nhưng khi phát nghiệp các nhân gần khởi chỉ duyên ở thanh. Nhân xa khởi cũng duyên chung ở danh. Không từ nhân xa phê phán tánh. Chỗ khác nói tên hai duyên: nghiệp, tâm là nói theo xa .

64. Phân biệt theo loại:

Luận chép: “Lại gọi thân v.v... chỉ là Đẳng Lưu.”

Thứ ba, năm là phân biệt theo loại. Vì chẳng phải Sắc pháp, nên

chẳng phải nuôi lớn. Tùy muốn sinh nên chẳng phải dị thực, là Hữu vi nên chẳng phải thật. Từ nhân đồng loại sinh nên chẳng phải dị thực, là hữu vi nên chẳng phải thật. Từ nhân đồng loại sinh nên chẳng phải Sát- na, là tánh Đăng lưu.

Luận chép: “Lại chỉ thuộc về tánh vô phú vô ký”, Thứ tư là môn chia ra Ba tánh.

Luận chép: như trên đã nói, trở xuống gồm một bài tụng là Đại môn thứ hai, là giải thích chung nghĩa khác.

Luận chép: Cho đến “Vô phú vô ký là giải thích”. Câu thứ nhất của bài tụng, lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu “Và Vô Sắc” cho đến loại thông hai nghĩa, là giải thích câu thứ hai của bài tụng. Câu trên nói: một phần đồng, câu dưới nói: Một phần Dị, Danh thân v.v... Giới chỉ có ở cõi Dục, cõi Sắc. Loại chỉ có Đăng lưu. Đồng phần giới thì có ở cả ba cõi. Loại thông ở hai, cũng là nghĩa Dị. Luận Chánh Lý chép: “Thế nào gọi là các đường dị thực, nghĩa là địa ngục và noãn sinh v.v ... Sinh đồng phần. Thế nào là Đăng lưu? nghĩa là giới. Địa, xứ, chủng tánh, tộc loại, Sa-môn, Phạm chí, Hữu học, vô học v.v... tất cả đồng phần. Có sư khác nói trong các đồng phần có nghiệp trước đã dẫn sinh là dị thực đồng phần. Hiện tại gia hành khởi là Đăng lưu đồng phần.

Luận chép: Từ câu “Đắc và các tướng” cho đến “chẳng phải dị thực, v.v... Là giải thích: Hai câu dưới, lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu “Đã nói như thế” cho đến “Tùy theo sự thích ứng, y theo mà biết” trở xuống chỉ đáng, lời văn rất dễ hiểu.

